

**ỦY BAN NHÂN TỈNH KIÊN GIANG  
VƯỜN QUỐC GIA PHÚ QUỐC**

**Chiến lược phát triển du lịch sinh thái  
VQG PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG**  
*(Dự thảo cuối)*

**Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh (UAF)  
& Tổ Chức Wildlife At Risk (WAR)**

*Biên soạn cho*  
**Vườn Quốc Gia Phú Quốc – Tỉnh Kiên Giang**

Tháng 12 năm 2006

## Mục lục

	Trang
Mục lục	1
Bảng chữ viết tắt	3
Lời mở đầu	4
<b>Phần I: Các căn cứ pháp lý để xây dựng chiến lược.</b>	
<b>Phần II: Đặc điểm tự nhiên – kinh tế xã hội liên quan đến phát triển DLST của VQG.</b>	
<b>I. Tình hình cơ bản của VQG Phú Quốc có liên quan đến DLST.</b>	
1.1. Vị trí, địa lý	6
1.2. Khí hậu, thủy văn	6
1.3. Đặc điểm tài nguyên du lịch sinh thái của VQG	8
1.3.1. Hệ thực vật và động vật rừng	8
1.3.2. Cảnh quan và những di tích lịch sử, văn hóa	18
1.3.3. Tài nguyên sinh vật biển	19
1.4. Hiện trạng sử dụng đất đai ở VQG	21
1.5. Hiện trạng quản lý và các hoạt động bảo tồn ở VQG	21
1.6. Tình hình kinh tế-xã hội trực tiếp liên quan đến VQG	24
1.7. Hiện trạng nguồn lực và đào tạo nhân sự của VQG	27
1.8. Các chính sách và kế hoạch phát triển du lịch tỉnh, vùng, quốc gia liên quan đến huyện đảo Phú Quốc và VQG	27
1.9. Các dự án, các bên tham gia liên quan đến hoạt động DLST VQG	32
1.10. Hiện trạng hạ tầng cơ sở liên quan đến DLST của VQG	32
1.11. Tình hình hoạt động DL tại Phú Quốc và DLST tại VQG	32
<b>II. Thuận lợi, khó khăn và thách thức về phát triển DLST ở VQG Phú Quốc.</b>	<b>37</b>
2.1. Thuận lợi	37
2.2. Khó khăn và thách thức	38
<b>Phần III: Chiến lược phát triển DLST VQG Phú Quốc giai đoạn 2006-2015.</b>	
<b>I. Một số dự báo liên quan đến phát triển DLST ở VQG Phú Quốc.</b>	
1.1. Dự báo về dân số-xã hội	40
1.2. Dự báo về sử dụng đất	41
1.3. Dự báo về môi trường	42
<b>II. Quan điểm phát triển DLST tại VQG Phú Quốc</b>	<b>43</b>
2.1. Quan điểm về phát triển DLST bền vững	43
2.2. Quan điểm về tổ chức không gian du lịch, loại hình và sản phẩm du lịch	43
2.3. Quan điểm về chủ thể phát triển du lịch (các bên có liên quan)	43
<b>III. Mục tiêu phát triển DLST ở VQG Phú Quốc giai đoạn 2006-2015.</b>	

3.1. Mục tiêu bảo tồn và về sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên DLST	44
3.2. Mục tiêu về kinh tế	44
3.3. Mục tiêu về xã hội	44
<b>IV. Định hướng phát triển DLST ở VQG Phú Quốc đến năm 2015</b>	<b>44</b>
4.1. Định hướng chung	44
4.2. Quy hoạch, tổ chức không gian DLST	45
4.3. Phát triển các loại hình du lịch	47
4.4. Xây dựng VQG Phú Quốc thành điểm DLST bền vững trong hệ thống tuyến điểm du lịch của đảo Phú Quốc, của tỉnh Kiên Giang và cả nước	48
<b>V. Những giải pháp chủ yếu để thực hiện chiến lược</b>	<b>50</b>
5.1. Giải pháp về quản lý và tổ chức các hoạt động DLST	50
5.2. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực	52
5.3. Giải pháp về cơ sở hạ tầng phục vụ DLST	52
5.4. Giải pháp về tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị	52
5.5. Giải pháp về cơ chế chính sách	53
5.5. Giải pháp về quy hoạch	53
<b>VI. Các chương trình, dự án ưu tiên</b>	<b>54</b>
1) Chương trình phát triển hạ tầng cơ sở du lịch sinh thái VQG Phú Quốc	54
2) Chương trình đào tạo nguồn lực và nghiên cứu ứng dụng KH-CN	54
3) Chương trình quy hoạch chi tiết các khu du lịch	55
4) Chương trình quảng bá, tiếp thị	56
5) Chương trình hỗ trợ cộng đồng tham gia các hoạt động DLST của VQG	55
<b>VII. Hiệu quả.</b>	<b>56</b>
7.1. Về môi trường	56
7.2. Về kinh tế	56
7.3. Về xã hội	57
<b>VIII. Trình tự bước đi</b>	<b>57</b>
<b>Phần IV: Kết luận và kiến nghị</b>	<b>58</b>

## **Phụ lục**

\*\*\*

## Bảng chữ viết tắt

- VQG: Vườn quốc gia.  
BTTN: Bảo tồn thiên nhiên.  
DLST: Du lịch sinh thái.  
ĐTQHR: Điều tra quy hoạch rừng.  
SĐVN: Sách Đỏ Việt Nam.  
IUCN: Tổ chức bảo tồn thiên nhiên thế giới (International Union for Conservation of Nature).  
ADB: Ngân hàng phát triển châu Á (Asea Development Bank).  
WAR: Tổ chức bảo vệ động vật hoang dã bị đe dọa (Wildlife At Risk).  
NĐ: Nghị định.  
BQL: Ban quản lý.  
HC-DV: Hành chính-dịch vụ.  
UBND: Ủy ban nhân dân.  
TT: Thị trấn.  
CBCNV: Cán bộ công nhân viên.

## Lời mở đầu

VQG Phú Quốc được thành lập năm 2001 trên cơ sở chuyển hạng Khu bảo tồn thiên nhiên Phú Quốc theo Quyết định số 91/2002/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ký ngày 8/6/2001. VQG được đánh giá là nơi tồn tại một diện tích rừng nguyên sinh khá lớn ít bị tác động, là nơi tập trung nhiều các hệ sinh thái rừng nhiệt đới, nhiều hệ thực, động vật của thế giới di cư đến của tỉnh Kiên Giang. Nơi có thành phần thực, động vật phong phú và quý hiếm, không kém gì những khu bảo tồn và vườn quốc gia trong toàn quốc cũng như có nhiều loài thực vật mới được ghi nhận cho khoa học và cho Việt Nam.

Bên cạnh đó, các nguồn tài nguyên thiên nhiên của VQG còn là tiềm năng to lớn cho mục đích du lịch sinh thái góp phần phát triển bảo tồn VQG và kinh tế- xã hội của địa phương.

Mặc dù DLST đã được đề cập đến trong văn kiện Dự án đầu tư phát triển VQG Phú Quốc và vùng đệm giai đoạn 2001-2005 theo quyết định nêu trên, nhưng cho đến nay các hoạt động DLST của VQG hầu như chưa có gì.

Phú Quốc, theo Quyết định 178/2004/QĐ-TTg ngày 05/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ, từ nay đến năm 2020 sẽ được phát triển thành trung tâm trung tâm du lịch — nghỉ dưỡng, giao thương quốc tế lớn, hiện đại của vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, phía Tây- Nam đất nước và từng bước hình thành một trung tâm du lịch, giao thương mang tầm cỡ khu vực, quốc tế.

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương (Tổng cục Du lịch Việt Nam, 1999). Căn cứ theo định nghĩa này và những vấn đề nêu trên, DLST của VQG Phú Quốc cần được rà soát lại mà bước đầu là xây dựng chiến lược phát triển DLST theo hướng bền vững cho phù hợp với tình hình mới của huyện đảo. Đây là vấn đề rất được sự quan tâm của các bên có liên quan (chính quyền, cộng đồng địa phương và các tổ chức quốc tế). Dưới sự hỗ trợ của WAR, bản chiến lược phát triển DLST của VQG Phú Quốc được soạn thảo. Quá trình thực hiện, đã có sự phối hợp chặt chẽ với WAR, BQL VQG Phú Quốc, các cơ quan liên quan đến quản lý, phát triển du lịch tại Đảo Phú Quốc và tỉnh Kiên Giang.

## **Phần I: Các căn cứ pháp lý đề xây dựng chiến lược.**

1. Quyết định số 192/2003/QĐ-TTg ngày 17/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quản lý hệ thống Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam đến năm 2010.
2. Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.
3. Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14/08/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.
4. Chỉ thị số 12/2003/CT-TTg ngày 16/05/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng.
5. Quyết định 178/2004/QĐ-TTg ngày 05/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án phát triển tổng thể đảo Phú Quốc tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 và tầm nhìn tới năm 2020”
6. Quyết định số 91/2002/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ký ngày 8/6/2001 về việc chuyển hạng Khu bảo tồn thiên nhiên Phú Quốc tỉnh Kiên Giang thành Vườn Quốc Gia Phú Quốc.
7. Văn bản số 233/TB-VPCP ngày 18/12/2004 của văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại hội nghị phát triển Đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
8. CV số 1251/BNN-KL của Bộ Nông nghiệp và PTNT ký ngày 7/5/2001 gửi Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển hạng Khu BTTN Phú Quốc thành VQG và đầu tư giai đoạn 2001-2005.
9. Quyết định 97/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ký ngày 22/7/2002 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2001-2010.
10. Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 30 tháng 3 năm 2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.

## **Phần II: Đặc điểm tự nhiên – kinh tế xã hội liên quan đến phát triển du lịch sinh thái (DLST) của VQG Phú Quốc.**

### *I. Tình hình cơ bản của VQG Phú Quốc có liên quan đến DLST.*

#### 1.1. Vị trí, địa lý, địa hình.

Tổng diện tích tự nhiên của VQG Phú Quốc: 31.422 ha.

VQG Phú Quốc có ranh giới hành chính thuộc các Xã Gành Dầu, Bãi Thơm, Cửa Cạn, một phần các xã Cửa Dương, Dương Tơ, Dương Đông và Hàm Ninh.

Nằm ở phía Bắc đảo chính Phú Quốc với những đôi núi cao thuộc 3 dãy núi Hàm Ninh, Hàm Rồng và Gành Dầu. Phía Đông và Đông Bắc có các đỉnh núi cao là Núi Chúa (603 mét), núi Vồ Quạp (478 mét), núi Đá Bạc (448 mét) của dãy núi Hàm Ninh. Các núi này phần lớn diện tích có độ dốc từ 15-20 độ, có nơi vách đá dựng đứng kéo dài và có độ dốc rất lớn (>45 độ). Phía Bắc bị chế ngự bởi dãy Bãi Đại với độ cao 200-250m gồm núi Chảo (379m), núi Hàm Rồng (365m).

Địa hình nhìn chung thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây, có những vùng trũng tạo thành những “lung” (lung Tràm) như vùng Bãi Thơm, Cửa Cạn có nước ngập sâu vào mùa mưa, với nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp mắt.

#### 1.2. Khí hậu, thủy văn.

Phú Quốc ít bão tố thiên tai, khí hậu ẩm quanh năm, nhiệt độ trung bình 25-27 độ C, biên độ trung bình năm 3 độ C, trong ngày đêm 6 độ C. Gió mùa Tây Nam (mùa mưa từ tháng 6 đến tháng 11).

(1) Nhiệt độ : Nhiệt độ bình quân năm	: 27,3 0 C
Nhiệt độ bình quân năm lớn nhất	: 32,1 0 C
Nhiệt độ bình quân năm nhỏ nhất	: 21,8 0 C
Biên độ trung bình	: 7,0 0 C

(2) Vũ lượng : Lượng mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 10. Các tháng 7, 8 , 9 có số ngày mưa lên tới 23-24 ngày/tháng và lượng mưa đạt trên 450 mm.

Lượng mưa bình quân năm	: 3.038 mm
Lượng mưa bình quân năm lớn nhất	: 3.149 mm
Lượng mưa bình quân năm nhỏ nhất	: 2.241 mm
Số ngày mưa trong năm	: 174 ngày

(3) Ẩm độ không khí : Trung bình	: 83,3 %
----------------------------------	----------

Trung bình lớn nhất : 94,6 %  
Trung bình nhỏ nhất : 67,7 %

(4) Lượng bốc hơi : Trung bình tháng : 116,2 mm  
Trung bình tháng lớn nhất : 164,6 mm  
Trung bình tháng nhỏ nhất : 80,8 mm

(5) Chế độ gió : Phú quốc chịu ảnh hưởng của 2 hướng gió : gió mùa Tây Nam (từ tháng 5 đến tháng 10) với tốc độ trung bình thuộc cấp 4, cấp 5 (4-5 m/s) mang nhiều mưa và gió mùa Đông Bắc (tháng 11 đến tháng 4 năm sau). Phú Quốc cũng như các tỉnh Nam Bộ ít bị bão, chu kỳ các trận bão khoảng 100 năm (1905, 1997...), khi có bão sức gió rất mạnh (> 100 km/giờ).. Nhìn chung, trừ một số tháng mùa mưa, khí hậu trong năm thuận lợi cho các hoạt động ngoài trời, du lịch, nghỉ dưỡng.

(6) Chế độ thủy văn - tài nguyên nước:

Vùng dự án được bao bọc ở 3 phía: Bắc, Đông, Tây bởi biển với chiều dài bờ biển khoảng 60 km, chịu ảnh hưởng của chế độ bán ngập triều.

Nguồn nước mặt khá phong phú. Mật độ sông suối 0,42 km/km<sup>2</sup> (lớn hơn bất cứ đảo nào của nước ta), có 2 hệ thống sông có diện tích lưu vực 10 km<sup>2</sup> trở lên. Tổng diện tích lưu vực 252 km<sup>2</sup> (chiếm 25% tổng diện tích đảo). Các sông lớn chảy qua vùng dự án như :

+ Rạch cửa Cạn, bắt nguồn từ núi Chúa, chiều dài sông chính 28,75 km, tổng chiều dài sông suối 69 km, diện tích lưu vực 147 km<sup>2</sup>.

+ Rạch Dương Đông, bắt nguồn từ núi Đá Bạc, chiều dài sông chính 18,5 km. Tổng chiều dài sông suối 63 km, diện tích lưu vực 105 km<sup>2</sup>.

Ngoài ra còn có các sông rạch khác như Rạch Tràm, Rạch Vũng Bầu, Rạch Cá...

Nhìn chung các sông suối đều ngắn nhỏ, do ảnh hưởng của địa hình, mức độ tập trung nước bờ Tây lớn hơn bờ Đông. Độ che phủ của rừng còn khá cao, lại nằm trong vùng có lượng mưa lớn (3.000 mm/năm) nên mạng lưới sông suối khá phát triển. Tuy nhiên, do không ổn định về lượng nước trong năm và hẹp nên hạn chế trong việc sử dụng cho giao thông thủy và các hoạt động sử dụng ghe thuyền khác nhất là vào mùa khô.

Nguồn nước ngầm cũng khá, nước ngầm tầng nông có đều khắp trong vùng dự án. Nước ngầm tầng sâu ở vùng phía Bắc có khó khăn hơn (2 điểm khoan sâu 30m, 40m ở Gành Dầu không có nước).



Chất lượng nước mặt là loại nước mềm, theo Viện Vệ sinh Dịch Tễ là nước sạch có thể dùng cho ăn uống được. Nguồn nước ngọt cung cấp cho đảo hiện nay gồm 2 nguồn : nước ngầm và nước mưa, trong đó chủ yếu là nguồn nước ngầm. Vấn đề nước cũng là một trở ngại cho các hoạt động sản xuất và đời sống của đảo nhất là vào mùa khô.

### 1.3. Đặc điểm tài nguyên du lịch sinh thái của VQG.

#### 1.3.1. Hệ thực vật và động vật rừng

##### a) Thực vật rừng

Qua điều tra đã thống kê được 1.164 loài thực vật bậc cao, gồm 137 họ và 531 chi, trong đó có 5 loài khó tử (ngành hạt trần) thuộc 3 Họ và 4 Chi. Ngoài ra, còn có 155 loài cây dược liệu (34 loài làm thuốc bổ và 11 loài chữa được các bệnh hiểm nghèo) và 23 loài Phong lan, trong đó có 1 loài mới ghi nhận tại Việt Nam (*Podochilus tenius*).

Hệ thực vật Phú Quốc nói chung và VQG Phú Quốc nói riêng, theo các nghiên cứu của các nhà thực vật học, có quan hệ thân thuộc với :

- Hệ thực vật Malaysia - Indonesia : tiêu biểu là cây họ Dầu (Dipterocarpaceae).

- Hệ thực vật Himalaya - Vân Nam, Trung quốc : tiêu biểu là các cây thuộc :

+ Ngành Hạt trần : Họ Kim giao (Podocarpaceae).

Họ Gấm (Gnetaceae).

+ Ngành Hạt kín : Họ Du (Ulmaceae).

Họ Nhài (Oleaceae).

Họ Tích tụ (Aceraceae).

Họ Hoa hồng (Rosaceae).

Họ Dẻ (Fagaceae).

Họ Re (Lauraceae).

- Hệ thực vật Ấn Độ - Miến Điện : tiêu biểu là các cây thuộc các Họ Chum bầu (Combretaceae), Họ Tử vi (Lythraceae), Họ Gòn (Bombaceae).

Ngoài ra, VQG nằm trên một hải đảo với khí hậu lục địa và duyên hải nên tồn tại nhiều loại rừng đặc trưng như rừng ngập mặn, rừng Tràm, rừng nguyên sinh cây họ Dầu, rừng thưa cây họ Dầu, rừng thứ sinh, rừng cây bụi và rừng triền núi đá với một loạt các sinh cảnh khác nhau như :

##### (1) Sinh cảnh rừng ngập mặn

Chỉ phân bố thành các vệt ở các cửa rạch, cửa sông ven biển; tập trung ở khu rạch Tràm. Thành phần thực vật gồm : Đước đôi (*Rhizophora apiculata*), Vẹt (*Bruguiera gymmorhiza*), Bần (*Sonneratia alba*), Cóc (*Lumnitzera racemosa*), Giá (*Ecoecaria gallocha*). Đặc biệt, so với các sinh cảnh rừng ngập mặn khác trong khu

vực đồng bằng sông Cửu long thì chỉ nơi đây mới xuất hiện loài Cóc đỏ (*Lumnitzera coocinea*).

## (2) Sinh cảnh rừng Tràm

Đây là sinh cảnh đang hình thành và bị chi phối bởi các điều kiện đất đai, được phân bố trên 3 dạng địa hình khác nhau :

- Ở những vùng đất trũng ngập nước quanh năm, có độ pH = 6 : cây Tràm phát triển chung với Mua lông (*Melastoma villosum*), Cỏ dùn trống (*Eriocaulon echinulatum*), Cỏ hoàng đầu (*Xyris pauciflora*),... Quần thụ Tràm ở đây có mật độ dày nhưng đường kính không lớn.

- Ở vùng đất phù sa cát pha sét, kết cấu chặt và khá chua chỉ ngập nước vào mùa mưa : cây Tràm phát triển chung với các loài Cỏ chịu hạn như Chanh lương (*Leptocarpus diajunotus*), Chổi xể (*Baekkea frutesens*), Bắt ruồi (*Drosera burmannii*), Hoàng đầu (*Xyris pauciflora*), Dùn trống (*Eriocaulon echinulatum*), Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*),...Quần thụ Tràm ở đây có mật độ thưa, tán cây tỏa rộng, đường kính khoảng 30 -40 cm.

- Ở những giồng cát cố định ít bị ngập nước trong mùa mưa : Tràm mọc lẫn với những loài cây khác như Cám (*Parinari anamensis*), Chua nôm (*Archylea valali*), Sỏ (*Dillenia ovata*), Hồng sim (*Rhodomyrtus tomentosa*), Mua (*Melastoma candidum*), Sầm (*Menecylon harmandii*), Cá đàng (*Thunbergia fragrans*),...Tràm ở đây phát triển chậm, cây có kích thước nhỏ, cần cỗi.

## (3) Sinh cảnh rừng Nhum

Có diện tích nhỏ, phân bố rải rác ở những vùng trũng, ẩm thấp có khi bị ngập nước vào mùa khô. Sinh cảnh này có chiều cao thấp, rất rậm rạp nhưng có số loài không nhiều. Thành phần thực vật chủ yếu là cây Nhum (*Oncosperma tigillaria*), Mật cật (*Lincuala soirosa*), Đủng đỉnh (*Caryota mitis*) và các loài Dứa (*Pandanus usii*), Cơm nguội (*Ardisia sp.*), Ba soi (*Macaranga tribola*), Choại (*Stenochlaena palustris*),...

## (4) Sinh cảnh rừng khô hạn

Phân bố trên các bãi cát dọc theo bờ biển và dọc theo đường K7 đi Bãi Thom. Thành phần thực vật chủ yếu là Găng (*Randia tomentosa*), Tiểu sim (*Rhodomyrtus sp.*), Hồng sim (*Rhodomyrtus tomentosa*), Trèn (*Tarennia quocensis*), Nhàu (*Morinda citrifolia*), Tai ghé (*Aporosa plancholiiana*), Sầm (*Memecylon harmandii*), Lốp bốp

(*Connarus cochinchinensis*), Thuốc bắc (*Strophanthus caudatus*), Chè lông (*Aganosna marginata*), Mua (*Melastona polyanthum*),...

(5) Sinh cảnh rừng thưa cây họ Dầu

Thường phân bố trên những giồng cát cố định ven bờ biển. Tốc độ sinh trưởng và phát triển kém, phẩm chất xấu, kích thước nhỏ, thường ra hoa kết quả sớm. Thành phần thực vật chủ yếu của sinh cảnh này gồm Sao đen (*Hopea odorata*), Dầu lông (*Dipterocarpus intricatus*), Dầu trà beng (*D. obtusifolius*), Cám (*Panirari anamensis*), Trâm trắng (*Syzigium sp.*), Sỗ (*Dilenia ovata*),...

(6) Sinh cảnh trảng cỏ Tranh

Hình thành sau khi rừng bị chặt phá và bị lửa rừng thường xuyên, xuất hiện phía Tây Nam khu bảo tồn, ở khu vực chân núi Tượng và núi Chóp chài và một số vùng ở phía Nam đảo. Ngoài thảm Cỏ Tranh (*Imperata cylindrica*) còn có một số loài cây ưa sáng mọc thành lùm bụi như Hu đay (*Trema vingaris*), Cò ke (*Grewia paniculata*), Sâm (*Memecylon harmandii*), Cù đèn (*Croton poinanei*),...

(7) Sinh cảnh rừng thứ sinh

Phân bố tập trung ở những nơi địa hình bằng phẳng, đồi thấp nơi rừng đã qua khai thác chọn, chặt phá đang phục hồi lại. Tùy theo mức độ tác động và mức độ phục hồi của rừng, sinh cảnh này được phân biệt thành 3 kiểu chính :

Kiểu rừng thứ sinh hình thành sau nương rẫy cũ : rừng một tầng với thành phần thực vật chủ yếu là các loài cây ưa sáng như Trường, Bời lời, Trâm, Bí bái, Tử vi, Cù đèn, Tai ghé, Hu ba soi, Hu ba bét, Cò ke,... Quần thụ có đường kính bình quân từ 10-15 cm và chiều cao khoảng 8-10 m với chất lượng xấu.

Kiểu rừng thứ sinh phục hồi sau khai thác chọn : rừng hình thành một tầng cây gỗ và một tầng cây bụi. Tầng cây gỗ có đường kính bình quân từ 16 -18 cm, chiều cao bình quân đạt từ 10 - 15 m với các loài cây thường gặp là Kiên kiên, Trâm, Còng, Ổi rừng, Sâm, Vối thuốc, Dầu song nòng,...

Kiểu rừng thứ sinh bị khai thác kiệt : cấu trúc rừng bị phá vỡ nặng hình thành nhiều tầng, dây leo bụi rậm phát triển và một số cây gỗ lớn phẩm chất xấu còn sót lại. Các loài cây thường gặp trong kiểu rừng này gồm Kiên Kiên, Thị, Trường, Cò Ke, Thầu Tấu, Bưởi Bung,...

(8) Sinh cảnh rừng nguyên sinh cây họ Dầu

Phân bố trên loại đất feralit phát triển trên sa thạch, có tầng đất dày, ẩm mát, tập trung ở 3 khu vực : Suối Kỳ Đà, sườn dãy núi Hàm Ninh và sườn núi Chảo. Lâm phân này với loài cây chủ yếu thuộc họ Dầu (Dipterocarpaceae) như Dầu song nòng (*Dipterocarpus dyeri*), Dầu mít (*Dipterocarpus costatus*), Kiền kiền (*Hopea pierrei*), Ngoài ra còn có các loài : Dầu (*Dipterocarpus sp*), Bô bô (*Shorea hypochra*), tuy số lượng cá thể loài ít, phân bố rải rác nhưng lại ở tầng trên của lâm phân và các loài : Trường, Trâm, Thị, Song mây, Gáo, Công, Bứa ...

(9) Sinh cảnh rừng núi đá :

Phân bố trên địa hình đồi núi cao, dốc lớn và nhiều đá ở vùng sườn, đỉnh dãy Hàm Ninh và trên núi Chảo ở độ cao > 250m, đỉnh núi Hàm Rồng, ít có tác động phá hoại của con người.

Do địa hình đất đai và khí hậu (gió) tương đối khắc nghiệt nên thực vật ở đây hầu hết là những cây đường kính nhỏ, thấp, thường cong queo, tán rộng với đường kính < 20cm, chiều cao từ 10-13m. Cây có đường kính 30m rất ít.

Về thực vật ở đây tuy thành phần cũng không khác gì ở các lâm phân rừng thứ sinh, nhưng do môi trường sống khắc nghiệt nên thực vật ở đây dù có sống lâu năm cũng không thể phát triển về đường kính và chiều cao lớn hơn được.

Do ít bị tác động của con người nên lâm phân này cũng còn giữ được tính nguyên sinh của khu rừng.

Thực vật đặc trưng ở đây là cây ổi rừng (*Tristaria merquensis*) thuộc họ Sim (Myrtaceae), cây Công (*Callophyllum sp*), Kiền kiền (*Hopea pierrei*), Thị, Trâm và các loài Lầu tấu (*Vatica*), Trâm hương, Vối thuốc, Dẻ ... Riêng về cây hạt trần thì có cây Hoàng đàn (*Dacrydium pierrei*), phân bố thành những vạt nhỏ không đều ở khu vực thượng nguồn suối Kỳ Đà, dọc đường K7 đi Bãi Thơm.

Theo kết quả điều tra của Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng năm 2004, giá trị thực vật quý hiếm của rừng VQG Phú Quốc khái quát như sau:

- Có 9 loài thực vật quý hiếm thuộc 7 họ thực vật khác nhau có tên trong bảng danh lục kèm theo Nghị Định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, gồm: Tùng có ngấn (*Cupressus torulosa*), Trâm hương (*Aquilaria crassna*), Cẩm thị (*Diospyros maritima*), Kim giao Fleury (*Decussocarpus fleuryi*), Kim giao Wallich (*Nageia wallichiana*), Trắc bông (*Dalbergia cochinchinensis*), Thiên tuế tròn (*Cycas circinalis*), Quế quan (*Cinamomum verum*), Quế cuống dài (*Cinamomum longepetiolatum*).
- Có 5 loài cây lá kim thuộc khu hệ thực vật Himalaya — Vân Nam -Quý Châu, Trung Quốc, gồm: Tùng có ngấn (*Cupressus torulosa*), Hoàng đàn giả

- (*Dacrydium elatum*), Kim giao Fleury (*Decussocarpus fleuryi*), Kim giao Wallich (*Nageia wallichiana*), Thông nàng (*Podocarpus imbricatus*).
- Có 12 loài thực vật có tên mang địa danh Phú Quốc: Cù Đền Phú Quốc (*Croton phuquocensis* Croiz.), Diệp hạ châu Phú Quốc (*Phyllanthus phuquocianus* Beille.), Tam thụ hùng Phú Quốc (*Trigonostemon quocensis* Gagn.), Chóp máu Phú Quốc (*Salacia phuquocensis* Tard.), Gội Phú Quốc -Gội ổi (*Aglaia quocensis* Pierre), Táo Phú Quốc (*Ximenia americana* Willd.), Doi Phú Quốc (*Archidendron quocense* (Pierre) I. Niels.), An điền Phú Quốc (*Hedyotis quocensis* Pierre ex Pit.), Trèn Phú Quốc (*Tarenna quocense* Pierre ex Pit.), Xuân thôn Phú Quốc (*Xantonnea quocensis* Pierre ex Pit.), Lớp bóp Phú Quốc (*Connarus semidecandrus* Jack, *C. quocensis* Pierre), Huỳnh đàn Phú Quốc (*Dysoxylum cyrtophyllum* Miq var. *quocensis* Pierre).
  - So sánh với thành phần thực vật của một số VQG khác ở Nam bộ như VQG Cát Tiên, VQG Núi Chúa cho thấy thành phần thực vật của VQG Phú Quốc cũng khá phong phú và đa dạng loài (Bảng 1).

**Bảng 1 : So sánh thành phần thực vật của VQG Phú Quốc với các VQG khác**

Vườn quốc gia	Diện tích (ha)	Số loài	Số họ	Số bộ	Năm điều tra
VQG Phú Quốc	31.422	1.164	137	66	2003
VQG Cát Tiên	74.219	1.610	162	75	2000
VQG Núi Chúa	29.673	1.265	147	85	2002

Nguồn: Theo Phân Viện ĐTQHR II, 2003

### b) Hệ động vật rừng

VQG Phú Quốc là nơi tập trung nhiều nhất của hệ động vật tại đảo, chiếm 95% thành phần loài của đảo và có số lượng phong phú hơn nhiều nơi khác.

#### b.1 Về thành phần loài :

Qua kết quả điều tra động vật hoang dại của Viện Sinh Thái và Tài nguyên sinh vật năm 2005, trong phạm vi VQG đã ghi nhận được tổng số 206 loài động vật hoang dã thuộc 75 họ, 24 bộ, 4 lớp. VQG Phú Quốc có 28 loài thú, 119 loài chim, 47 loài bò sát và 14 loài ếch nhái.

Qua thống kê đã xác định có 42 loài quý hiếm (chiếm 20,39% tổng số loài động vật của VQG) bao gồm: 8 loài thú, 10 loài chim và 24 loài bò sát. Trong đó có 19 loài (6 loài thú, 4 loài chim, 9 loài bò sát) ghi trong Sách đỏ IUCN (2004); 26 loài (5 loài thú, 3 loài chim, 18 loài bò sát) ghi trong Sách đỏ Việt Nam (2000) và 25 loài (7 loài

thú, 6 loài chim, 12 loài bò sát) ghi trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 30 tháng 3 năm 2006.

**b2. So sánh thành phần loài với VQG Côn Đảo, VQG Cát Bà:**

**- Thú:**

Thành phần loài thú của VQG Phú Quốc không nhiều chỉ chiếm khoảng 11% (28/252 loài) tổng số loài thú đã ghi nhận ở Việt Nam. Sự kém đa dạng về thành phần loài là đặc điểm chung của khu hệ động vật ở các đảo. Nếu so sánh thành phần loài thú ở VQG Phú Quốc với 2 vườn quốc gia trên đảo khác là VQG Cát Bà và VQG Côn Đảo (Bảng 2) thì sự đa dạng loài ở VQG Phú Quốc gần tương đương, mặc dù diện tích đảo Phú Quốc có lớn hơn VQG Côn Đảo và VQG Đảo Cát Bà.

**Bảng 2 : So sánh thành phần loài thú của VQG Phú Quốc với các VQG trên đảo khác**

Vườn quốc gia	Diện tích (ha)	Số loài	Số họ	Số bộ
VQG Phú Quốc	31.422	28	14	6
VQG Côn Đảo <sup>1</sup>	15.043	29	16	10
VQG Cát Bà <sup>2</sup>	15.200	31	17	9

*Nguồn: (1) - Theo Phân Viện ĐTOHR II, 2004, (2) - Theo Dang Huy Huynh et al.,*

1996

**- Chim:**

**Bảng 3 : So sánh thành phần loài chim của VQG Phú Quốc với các VQG trên đảo khác**

Vườn quốc gia	Diện tích (ha)	Số loài	Số họ	Số bộ
VQG Phú Quốc	31.422	119	41	16
VQG Côn Đảo <sup>(*)</sup>	15.043	67	26	11
VQG Cát Bà <sup>(**)</sup>	15.200	65	26	13

*Nguồn: \* Theo Luận chứng kinh tế kỹ thuật Vườn quốc gia Côn Đảo.*

*\*\* Theo Furey, N. et al (2002).*

Bảng 3 cho thấy VQG Phú Quốc có thành phần loài đa dạng hơn hẳn so với hai VQG nằm trên đảo khác là Côn Đảo và Cát Bà. Mặc dù chỉ chiếm 15% so với tổng số loài nhưng VQG Phú Quốc lại chiếm đến 84% tổng số bộ và 57% tổng số họ so với cả nước, điều này càng khẳng định VQG Phú Quốc có nhiều tiềm năng cho công tác bảo tồn các loài chim nổi riêng và đa dạng sinh học nói chung trong tương lai.

**- Bò sát và ếch nhái:**

**Bảng 4 : So sánh thành phần loài bò sát và ếch nhái của VQG Phú Quốc với các VQG trên đảo khác**

Tên VQG	Diện tích (ha)	Số loài	Số họ	Số bộ
VQG Phú Quốc	31.422	61	20	4
VQG Côn Đảo <sup>1</sup>	15.043	46	17	5
VQG Cát Bà <sup>2</sup>	15.200	34	13	3

*Nguồn:(1)- Theo Phân Viện ĐTQHR II, 2004, (2) - Theo Đặng Huy Huỳnh et al., 1996*

Bảng 4 cho thấy về thành phần phân loại học hiện đã biết thì tổng số loài bò sát và ếch nhái ở VQG Phú Quốc gấp 1,79 lần so với VQG Cát Bà và gấp 1,32 lần so với VQG Côn Đảo. Các loài quý hiếm cũng nhiều hơn từ 2-2,4 lần so với 2 VQG trên đảo khác của Việt Nam. Điều này có thể giải thích như sau:

- Diện tích của VQG Phú Quốc lớn hơn gấp đôi so với VQG Côn Đảo và Cát Bà.
- Sinh cảnh rừng ở VQG Phú Quốc đa dạng, có chất lượng tốt và ít bị chia cắt hơn 2 VQG còn lại (VQG Côn Đảo có 14 hòn đảo nhỏ nằm tách biệt đảo chính, VQG Cát Bà cũng có nhiều đảo nhỏ phía đông).

### **b.3. Các loài quý hiếm**

Để đánh giá loài động vật quý hiếm, các tác giả dựa vào các tài liệu sau:

**SĐVN 2000** - “Sách đỏ Việt Nam. Phân động vật”, năm 2000: V - Sẽ nguy cấp, R — Hiếm.

**IUCN 2004:** Red List of Threatened Species (South and Southeast Asia) (Mammalia): VU - Sẽ nguy cấp, DD - Thiếu số liệu xếp hạng, LR/nt - Gần bị đe dọa.

**NĐ32 2006** - Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, ngày 30 tháng 3 năm 2006: Nhóm IB : Các loài động vật hoang dã bị nghiêm cấm khai thác, sử dụng, Nhóm IIB: Các loài động vật hoang dã được khai thác sử dụng hạn chế và có kiểm soát.

#### **b3.1. Thú:**

Mặc dù có thành phần loài tương đối nghèo, khu hệ thú VQG Phú Quốc vẫn có ý nghĩa bảo tồn đa dạng sinh học cao với 8 loài quý hiếm đang bị đe dọa diệt vong trong nước hoặc trên toàn cầu (Bảng 5). Trong đó, có 5 loài ghi trong “Sách đỏ Việt Nam” (2000), 6 loài ghi trong Danh lục đỏ của IUCN (2004), và 7 loài ghi trong Danh lục của Nghị Định 32/2006/NĐ-CP (2006).

**Bảng 5 : Các loài thú quý hiếm ghi nhận được tại VQG Phú Quốc**

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	IUCN 2004	SĐVN 2000	NĐ32 (2006)
1	Cu li lớn	<i>Nycticebus bengalensis</i>	DD	V	IB
2	Cu li nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>	VU	V	IB
3	Voọc bạc (Cà Khu)	<i>Trachypithecus germaini</i>	DD		IB
4	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinerea</i>	LR/nt	V	IB
5	Sóc đỏ Phú Quốc	<i>Callosciurus finlaysoni harmandi</i>		R	

Cu li lớn (*Nycticebus bengalensis*), Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*) và Khi đười dười (*Macaca fascicularis*) còn khá phổ biến trong Vườn quốc gia. Chúng có thể gặp ở hầu hết các sinh cảnh rừng và các khu vực khác nhau của Vườn quốc gia. Voọc bạc (*Trachypithecus germaini*), hiện còn không nhiều tại Vườn quốc gia, thường gặp chúng ở khu vực núi Hòn Hòn Chảo và núi Hàm Rồng.

Voọc bạc (*Trachypithecus germaini*), tên địa phương gọi là “Cà khu”, còn khá phổ biến trong Vườn quốc gia. Chúng hoạt động chủ yếu ở rừng cây cao trên các đỉnh cao, thường gặp nhất là ở khu vực núi Hòn Hòn Chảo và núi Hàm Rồng. Đôi khi chúng cũng xuống thấp kiếm ăn và về tới gần khu dân cư (khu vực gần Trạm Kiểm Lâm Bãi Thơm). Voọc bạc hoạt động theo đàn tới 10 cá thể. Khác với voọc bạc ở đất liền, voọc bạc ở Phú Quốc có màu lông đen và vùng mặt có phớt lông trắng nhạt. Tuy nhiên, con non mới sinh cũng có màu lông vàng.

Theo người dân địa phương thì hiện nay ở khu vực VQG Phú Quốc chỉ còn một loài Rái cá duy nhất là Rái cá vuốt bé (*Aonyx cinerea*) và số lượng của loài này cũng còn rất ít. Gần đây (2004) người dân có gặp chúng ở lưng nhà ông Việt và sông Cái gần Hạt Kiểm Lâm.

Sóc đỏ Phú quốc (*Callosciurus finlaysoni harmandi*) được Milne-Edwards mô tả năm 1876. Nhưng cho đến nay người ta cũng còn biết rất ít về phân loài sóc đỏ đặc hữu này. Khác với các phân loài khác của loài sóc đỏ, phân loài sóc đỏ phú quốc có màu lông tối hơn, không có dải lông đỏ tươi trên lưng như phân loài thường gặp ở rừng U Minh. Sóc đỏ phú quốc còn khá phổ biến tại VQG Phú Quốc, có thể gặp chúng ở hầu hết các khu vực của Vườn quốc gia, kể cả dọc đường lớn qua rừng.

Sự có mặt của loài Vượn pilê (*Hylobates pileatus*) ở VQG Phú Quốc vẫn còn là vấn đề tranh cãi. Năm 1957, Simonetta lần đầu tiên công bố ghi nhận loài này ở Phú Quốc dựa vào một mẫu vật được cho là từ đảo Phú Quốc. Nhiều nhà khoa học nước



ngoài cho rằng mẫu vật này không phải từ đảo Phú Quốc do vậy sự phân bố của loài này tại đảo Phú Quốc chưa được công nhận.

### b.3.2. Chim:

Kết quả điều tra và tổng kết số liệu cho thấy VQG Phú Quốc có 4 loài đang bị đe dọa trên toàn cầu là Hồng hoàng, Bồ nông chân xám, Diều cá đầu xám, Cắt nhỏ họng trắng, 3 loài được ghi nhận trong Sách đỏ Việt Nam và 6 loài có mặt trong Nghị Định 32/2006/NĐ-CP, chiếm 8% so với tổng số loài ghi nhận tại khu vực (Bảng 6).

**Bảng 6 : Các loài chim quý hiếm ghi nhận được tại VQG Phú Quốc**

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN (2000)	IUCN (2004)	NĐ 32 (2006)
1	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	T	NT	IIB
2	Diều cá đầu xám	<i>Ichthyophaga ichthyaetus</i>		NT	
3	Sả mỏ rộng	<i>Halcyon capensis</i>	T		
4	Cắt nhỏ họng trắng	<i>Polihierax insignis</i>		NT	IIB
5	Bồ nông chân xám	<i>Pelecanus philippensis</i>	R	VU	
6	Dù di hung	<i>Ketupa flavipes</i>			IIB
7	Chích choè lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>			IIB
8	Yểng	<i>Gracula religiosa</i>			IIB
9	Cao cát bụng trắng	<i>Anthracoceros albirostris</i>			
10	Cú lợn lưng xám	<i>Tyto alba</i>			IIB

### b.3.3. Bò sát, ếch nhái:

Trong tổng số 61 loài bò sát và ếch nhái đã ghi nhận ở VQG Phú Quốc và vùng đệm có 24 loài quý hiếm (chiếm 39,34% tổng số loài). So sánh với các VQG trên đảo khác của Việt Nam thì số lượng loài quý hiếm của VQG Phú Quốc là cao nhất, sau đó đến VQG Côn Đảo (12 loài) và cuối cùng là VQG Cát Bà (10 loài).

- Có 18 loài (chiếm 29,50% tổng số loài) bị đe dọa cấp quốc gia - ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2000), trong đó có 5 loài ở bậc E (nguy cấp), 8 loài bậc V (sẽ nguy cấp) và 5 loài ở bậc T (bị đe dọa).
- Có 9 loài (chiếm 14,75 % tổng số loài) bị đe dọa cấp toàn cầu - ghi trong Danh lục Đỏ IUCN (2004), trong đó 3 loài ở bậc CR (cực kỳ nguy cấp), 3 loài ở bậc EN (nguy cấp), 2 loài ở bậc VU (sẽ nguy cấp) và 1 loài ở bậc LR/nt (sắp bị đe dọa).
- Có 12 loài (chiếm 17,43% tổng số loài) ghi trong Nghị định 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, trong đó có 1 loài thuộc Nhóm IB (nghiêm cấm khai thác, sử dụng) và 11 loài thuộc nhóm IIB (hạn chế khai thác, sử dụng). (Bảng 7)

**Bảng 7.: Các loài bò sát quý hiếm ghi nhận được tại VQG Phú Quốc**

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	SĐVN (2000)	IUCN (2004)	NĐ 32 (2006)
1.	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i>	T		
2.	Rồng đất	<i>Physignathus cocincinus</i>	V		
3.	Kỳ đà vân	<i>Varanus bengalensis</i>	V		IIB
4.	Kỳ đà hoa	<i>Varanus salvator</i>	V		IIB
5.	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	V	LR/nt	IIB
6.	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i>	V		IIB
7.	Rắn sọc xanh	<i>Elaphe prasina</i>	T		
8.	Rắn sọc dưa	<i>Elaphe radiata</i>			IIB
9.	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i>	T		
10.	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>	V		IIB
11.	Rắn cạp nia nam	<i>Bungarus candidus</i>			IIB
12.	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>	T		IIB
13.	Hổ mang	<i>Naja atra</i>	T		IIB
14.	Hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	E		IB
15.	Rắn lục mép trắng	<i>Trimeresurus albolabris</i>			
16.	Rắn lục miền nam	<i>Trimeresurus popeorum</i>			
17.	Rùa da	<i>Dermochelys coriacea</i>	E	CR	
18.	Vích	<i>Chelonia mydas</i>	E	EN	
19.	Đồi mồi	<i>Eretmochelys imbricata</i>	E	CR	
20.	Quần đồng	<i>Lepidochelys olivacea</i>	V	EN	
21.	Rùa răng	<i>Hieremys annandalii</i>	V	EN	IIB
22.	Rùa ba gờ	<i>Malayemys subtrijuga</i>		VU	
23.	Ba ba nam bộ	<i>Amyda cartilaginea</i>		VU	
24.	Cá sấu nước ngọt	<i>Crocodylus siamensis</i>	E	CR	IIB

#### **b.4. Phân bố động vật**

Do điều kiện địa hình tự nhiên, động vật rừng VQG Phú Quốc phân bố theo 2 vùng khác biệt rõ nét :

##### **- Khu hệ sinh thái động vật vùng Núi Chảo, Cửa Cạn**

Khu vực này giới hạn về phía Nam bởi con đường K7 đi Bãi Thom. Địa hình khu này bằng, thấp, trũng, thường xuyên ngập nước về mùa mưa. Riêng núi Chảo cao 382m nổi bờ biển phía Bắc của Khu BTTN có nhiều hang động hiểm trở ít bị tác động. Toàn khu sinh thái được phủ kín bởi rừng lá rộng thường xanh và rừng Tràm thuần loại ở vùng thấp luôn có đủ nước và nguồn thức ăn quanh năm ... nên đã trở thành một môi trường thuận lợi cho động vật đến cư trú. Vì vậy khu này là nơi tập trung nhiều động vật hoang dại nhất của đảo gồm cả thú, chim, bò sát, lưỡng thê (nhất là ngành chim, bò sát,

lượng thể) với số lượng loài và số lượng cá thể loài khá lớn bao gồm các động vật đặc trưng sau :

- Về thú : Có heo rừng, nai, dơi, khỉ, rái cá, chồn, sóc, đồi...
- Về chim : Có nhạn, én, le lâu, tê tê, hồng hoàng, cò, cao cát, bói cá, cóc biển, bồ nông, nhạn bể, rẽ giun, chích chòe lửa.
- Bò sát : Các loài rắn, trăn, cá sấu, rùa, cua đinh, còng cuốc, tắc kè, còng tôm ...
- Lượng thể : Có các loài cóc, ếch, nhái, hót cỏ...

### **- Khu động vật Suối Cái, Hàm Ninh**

Do địa hình ở khu vực này hầu hết là đồi núi cao hiểm trở, có đá nhiều, môi trường nước rất hiếm trong các tháng mùa khô, cho nên thành phần động vật hoang dại sinh sống ở khu vực này không nhiều bằng khu phía Bắc trong đó chủ yếu là động vật ngành thú, còn các ngành chim, bò sát và lưỡng thể thì số lượng loài hoặc cá thể loài không có nhiều.

- Về thú : Có Cu li lớn, Cu li nhỏ, Khỉ đuôi dài, Voọc bạc, Rái cá vuốt bé , Sóc đỏ Phú Quốc, Heo rừng, Cà khu, Chồn, Nai, Sóc, Đồi ...
- Về chim : Có chim Cú, chim Cu, chim Sâu, Chìa vôi, chim Gõ kiến, Bìm bịp, Gà rừng v.v...
- Bò sát : Có Kì đà, Rắn, Rùa, Tắc kè, Còng cuốc, Còng tôm ...
- Lưỡng thể : Cóc, ếch, nhái ...

Nhìn chung, cả hai khu sinh thái động vật trên đều có sự tương tác, hỗ trợ nhau thành một khu hệ sinh thái động vật lớn của đảo Phú Quốc trong và giữa 2 mùa mưa, khô thích hợp cho việc cư trú và kiếm ăn.

### **1.3.2 Cảnh quan và những di tích lịch sử, văn hóa**

Thiên nhiên đã tạo cho Phú Quốc nhiều cảnh quan độc đáo, với một chuỗi gần 26 đảo nhấp nhô trên vịnh Thái Lan. Địa hình của Phú Quốc cũng rất độc đáo, chạy dài từ Bắc vào Nam có 99 ngọn đồi, núi, diện tích rừng nguyên sinh còn khá lớn, tập trung chủ yếu ở khu vực Bắc đảo . Trong phạm vi VQG có nhiều sông suối như sông Dương Đông, Cửa Cạn, Rạch Tràm... có thể du thuyền trên sông; các suối Tiên, suối Đá Bàn là những nơi rất hấp dẫn du khách. Các bãi tắm tốt như bãi Giếng Ngự, bãi Khem, bãi Sao, bãi Vòng, bãi Thơm, bãi Vũng Bầu, bãi Cửa Cạn, bãi Dài... Tuy nhiên, nhìn chung tất cả những thắng cảnh nói trên đều chưa được đầu tư khai thác phục vụ cho ngành du lịch.

Những bãi tắm tuyệt đẹp như bãi Khem và bãi Giếng Ngự hiện cũng chỉ là một vùng hoang dã, rất ít du khách đến tắm và nghỉ mát, hệ thống đường dẫn vào các bãi tắm cũng rất xấu và bất tiện cho việc đi lại của du khách. Các suối như suối Đá Bàn, suối Tiên cũng chưa được được đầu tư gì đáng kể, đường sá vào các suối cũng hết sức khó khăn.

Ngoài những tiềm năng to lớn nói trên, vùng dự án còn có những khu căn cứ cách mạng huyện ủy Phú Quốc ( Suối Kỳ Đà, núi Hàm Ninh). Các di tích nói trên đến nay cũng chưa được đầu tư trùng tu bao nhiêu, do đó chưa hấp dẫn du khách đến tham quan Phú Quốc .

### 1.3.3. Tài nguyên sinh vật biển

VQG Phú Quốc có hơn 60 km bờ biển, ngoài các loại cá nổi tiếng như cá Com, cá Thu..., nơi đây còn là nơi tập trung nhiều sinh vật biển như Vịt, Đồi mồi, Hải sâm, Đột. . Đây là những sinh vật biển quý , hiếm cần được điều tra và đánh giá trữ lượng để có biện pháp khai thác bảo vệ hợp lý.

Ngoài ra, còn có rong biển với nhiều loài cho thực phẩm quý và dược liệu. Các công trình nghiên cứu (Phạm hoàng Hộ, 1985) đã thống kê được 108 loài, trong đó có 2 loài mới cho khoa học và 11 loài mới ghi nhận ở Việt Nam. Các loại rong có giá trị sử dụng cao như rong Mút (*Porphia tanakae*), Rau câu, Rong Mơ, Cát tảo (Hổ tai-*Spathoglossum*). Nguồn tài nguyên này cần được điều tra, đánh giá đầy đủ nhằm định hướng sử dụng hợp lý trong tương lai. Ngoài ra, theo kết quả điều tra của Viện Hải Dương học Nha Trang năm 2005, trên quần đảo Phú Quốc hiện có 9 loài cỏ biển với diện tích trên 7.200 ha, tập trung chủ yếu ở vùng biển Hàm Ninh. Những cánh đồng cỏ rộng lớn dưới đáy biển này là thức ăn chính của Dugong (hay còn gọi là Bò biển, Nàng tiên cá, Cá cúi), loài động vật cực kỳ quý hiếm nằm trong Sách Đỏ, hiện chỉ còn khoảng 10 con trên vùng biển Tây Nam.

**Tóm lại, tài nguyên du lịch sinh thái của Vườn quốc gia Phú Quốc có thể khái quát như sau:**

- *Sự hấp dẫn về vị trí địa lý tự nhiên :*

Đảo Phú Quốc là một hòn đảo lớn, nằm ở phía Tây Nam nước ta, cách Rạch Giá khoảng 120km đường biển, dễ dàng nối kết các tour du lịch biển với các nước trong khu vực như Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Singapore,..v..và và với du lịch quốc tế. Đó là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch quốc tế và các loại hình du lịch cao cấp.

- *Sự hấp dẫn về cảnh quan tự nhiên :*

Đảo Phú Quốc có hình tam giác hoặc có hình dạng tựa như một chiếc mỏ neo, là hòn đảo lớn nhất, xung quanh là một chuỗi đảo lớn nhỏ nhấp nhô trên vịnh Thái Lan. Chạy dài từ phía Nam lên phía Bắc đảo có 99 ngọn núi, như núi Chúa, núi Vô Quấp, núi Đá Bạc,..v.v.. Khoảng 70% diện tích tự nhiên của đảo là rừng. Trên đảo có nhiều suối, sông, rạch, như suối Tranh, suối Đá Bàn. Bao bọc lấy đảo là bốn bề biển cả mênh mông, có những bãi biển đẹp trải dài dọc bờ biển, là những bãi tắm rất tốt. Dưới lòng biển là một thế giới đại dương với những bãi san hô, cỏ biển, rong biển rộng mênh mông với nhiều loài độc đáo có giá trị nhiều mặt. Có người ví von cho nơi đây là rừng của biển, là nơi khu trú của hàng đàn cá biển đủ màu sắc. Từ phía xa nhìn về Phú Quốc, người ta thấy một màu xanh, xanh của thảm rừng và xanh của biển.

- *Sự hấp dẫn về tài nguyên rừng, tài nguyên biển :*

Phú Quốc là một hải đảo với khí hậu lục địa và duyên hải nên có nhiều hệ sinh thái rừng đặc trưng như : Hệ sinh thái rừng nguyên sinh cây họ Dầu, hệ sinh thái rừng thưa cây họ Dầu, hệ sinh thái rừng thứ sinh, hệ sinh thái rừng cây bụi, hệ sinh thái rừng trên núi đá, hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rừng Tràm. Các hệ sinh thái rừng đã tạo ra sự đa dạng về sinh cảnh rừng.

Thành phần thực vật và động vật rừng ở Vườn quốc gia Phú Quốc rất phong phú và đa dạng, với 1.164 loài thực vật bậc cao (thuộc 137 họ) và 206 loài động vật hoang dã (thuộc 75 họ). Có nhiều loài động, thực vật rừng quý hiếm, có giá trị và đặc hữu được nêu trong Sách Đỏ Việt Nam, trong Nghị định 32 của Chính phủ (2006), trong danh mục quý hiếm của IUCN (2004). Sinh cảnh chung của rừng Phú Quốc hiện nay có thể được coi là một trong những nơi hấp dẫn nhất trong các khu rừng ở Nam Bộ.

Rừng của Vườn quốc gia Phú Quốc còn là nơi lý tưởng cho các hoạt động du lịch sinh thái như tham quan học tập về rừng nhiệt đới, ngắm cảnh thiên nhiên hoang dã, cắm trại, leo núi, nghiên cứu khoa học kết hợp với nghỉ ngơi,..v.v...

- *Sự hấp dẫn về văn hóa và lịch sử :*

Phú Quốc không chỉ nổi tiếng là một hòn đảo có cảnh quan thiên nhiên đẹp và tài nguyên thiên nhiên giàu có, Phú Quốc còn là một hòn đảo có truyền thống lịch sử bất khuất, kiên cường qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và quân, dân huyện đảo Phú Quốc còn ghi lại chiến công và những di tích còn lại trên đảo cho đến ngày nay, như : căn cứ của nghĩa quân Nguyễn Trung Trực trong cuộc khởi nghĩa chống Pháp, căn cứ kháng chiến khu Tượng, nhà lao cây Dừa do thực dân Pháp xây dựng để giam các chiến sỹ cách mạng đã được đổi tên là Trại giam tù binh cộng sản trong thời gian Mỹ xâm lược

(1967-1973). Những di tích lịch sử nó trên nằm trong hoặc gần kề với VQG và khách du lịch có thể tiếp cận một cách dễ dàng.

#### 1.4. Hiện trạng sử dụng đất ở VQG.

Theo kết quả điều tra năm 2004 của Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng Nam bộ, tổng diện tích tự nhiên của VQG Phú Quốc là 31.422 ha, trong đó đất có rừng là 27.814 ha, chiếm 88,5%, đất trống để phát triển rừng là 3.104 ha (chiếm 9,8%), đất nông nghiệp khác là 504 ha (chiếm 1,7%).

So với toàn huyện đảo, diện tích tự nhiên VQG chiếm 66%, đất có rừng chiếm 58,5%, đất trống để phát triển rừng chiếm 6,5%, đất nông nghiệp khác chiếm 1% (Bảng 8).

**Bảng 8 : Hiện trạng sử dụng đất huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

- Đơn vị: ha

Hạng mục	VQG Phú Quốc	RPH thuộc VĐ	RPH thuộc BQLRPH	Tổng DT trên đảo lớn	RPH trên các đảo nhỏ	Toàn huyện Phú Quốc
Tổng cộng	31.422	2.228	11.316	44.966	2.605	47.571
1- Đất lâm nghiệp	30.918	1.596	10.764	43.278	2.551	45.829
1.1 Đất lâm nghiệp có rừng	27.814	459	7.699	35.972	1.554	37.526
1.1.1 Rừng tự nhiên	27.053	424	7.699	35.176	1.554	36.199
1.1.2. Rừng trồng	761	35	531	1.327	0	1327
1.2. Đất trống để phát triển rừng	3.104	1.137	3.065	7.306	997	8.303
2. Đất nông nghiệp khác	504	632	552	1.688	54	1.742

Nguồn: Phân Viện Điều tra Quy hoạch rừng Nam bộ, 2004

#### 1.5. Hiện trạng quản lý và các hoạt động bảo tồn ở VQG.

- Hệ thống tổ chức quản lý:

Bao gồm Ban Quản lý Vườn và các phòng chức năng, 1 Hạt Kiểm Lâm và các trạm bảo vệ rừng.

- Cơ sở vật chất:

Hiện tại, văn phòng VQG tạm đặt tại thị trấn Dương Đông cùng khu nhà với BQL rừng Phòng hộ Phú Quốc. Khu hành chính-dịch vụ của VQG trong Dự án đầu tư đã được phê duyệt năm 2001 dự kiến sẽ được xây dựng tại khu vực Cầu Trắng, cách TT thị trấn Dương Đông khoảng 15 km, nhưng hiện nay vị trí của khu HC-DV này được thay đổi do không đủ diện tích đất trống xây dựng các hạng mục công trình theo quy hoạch bổ sung năm 2004. Vị trí mới khu HC-DV cách TT thị trấn Dương Đông khoảng 20 km về phía Bắc đảo.

- Một số hoạt động chủ yếu của VQG:

+ **Quản** lý bảo vệ tòa bộ diện tích rừng và đất rừng trong phạm vi VQG. Phương thức giao khoán rừng cho dân tại chỗ và các đơn vị bộ đội đã được thực hiện cho phù hợp với điều kiện địa bàn quá rộng, trạm bảo vệ ít và điều kiện đi lại khó khăn của đảo (vùng ven biển, vùng hải đảo...). Rừng hiện có (rừng tự nhiên, rừng trồng) đã được bảo vệ tốt, mặc dù vẫn còn những hiện tượng chặt gỗ làm nọc tiêu nhưng không phổ biến và số lượng nhỏ. Phương thức giao khoán rừng và đất rừng cho dân thông qua các hợp đồng giao khoán cụ thể rõ ràng trên bản đồ và thực địa, bước đầu cho thấy có hiệu quả, rừng có chủ, được bảo vệ tốt, rừng trồng đạt tỷ lệ cây sống và phẩm chất cao.

+ Khoanh nuôi tái sinh đối tượng rừng nghèo và rừng non phục hồi.

+ Hoạt động nghiên cứu khoa học, đã thực hiện các đề tài như sau :

- Trồng rừng thực nghiệm cây Trâm hương (Gió bầu), Trai, Hoàng đàn.

- Trồng rừng thực nghiệm hỗn loài cây gỗ lớn trên đất trống.

Rừng trồng cây Trâm hương được trồng 1993 và 1998, tỷ lệ cây sống cao ,phẩm chất tốt, đã thành rừng và hiện đang là nơi cung cấp giống cho các nhu cầu rừng trong và ngoài Phú Quốc. Rừng trồng thực nghiệm cây gỗ lớn gồm các loài cây như Sao đen, Chay, Huỳnh, Bô bô, Vên vên. Mô hình trồng chủ yếu hỗn giao theo cụm loài. Rừng trồng được 9 năm tuổi (tính đến năm 2006). Chất lượng cây trồng khá tốt (trong mùa mưa).

+ Ngoài ra, VQG cũng đã tiến hành xây dựng 2 khu chuyển hóa rừng giống cây gỗ lớn, có tổng diện tích 30 ha:

\* Khu chuyển hóa rừng giống Dầu song nàng (*Dipterocarpus dyeri*) có diện tích 10 ha, khả năng cung cấp hạt giống 200 cây x20 kg (cây) / năm (tương ứng khoảng 200 ha trồng rừng/năm).

\* Khu chuyển hóa rừng giống Vên vên (*Anisoptera cochinchinensis*), Bô bô (*Shorea hypochra*) có diện tích 20 ha, khả năng cung cấp hạt giống 1.500-2.000 kg / năm . Nếu tính 60% số lượng hạt giống có chất lượng cao, sẽ đáp ứng lượng hạt giống cho kế hoạch trồng rừng 2000 ha /năm, trong đó 1.700 ha Bô bô và 300 ha Vên vên.

- Nguồn vốn đầu tư cho hoạt động của Vườn: Chủ yếu là nguồn vốn 661 thuộc chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng. Vốn được đầu tư cho công tác quản lý bảo vệ, trồng và khoanh nuôi phục hồi rừng. Vốn đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch sinh thái hầu như không đáng kể.

Về công tác bảo tồn tài nguyên rừng và tài nguyên vùng ven biển thuộc diện tích quản lý tại VQG Phú Quốc gần đây có thể nêu như sau:

a) *Về bảo vệ sinh cảnh*

Hạt Kiểm lâm của VQG đã bố trí các trạm kiểm lâm ở các khu vực trọng yếu như khu vực Bãi Thơm, khu vực Rạch Tràm, khu vực Gành Dầu, khu vực Bãi Dài và

khu vực Bãi Bồn. Như vậy việc quản lý tài nguyên rừng và biển sẽ mang tính bao quát được hầu hết các địa bàn của VQG. Bên cạnh đó việc bố trí một số lán trại và chòi canh lửa trong rừng để kiểm soát cháy rừng và các hoạt động xâm hại tài nguyên rừng cũng mang lại những hiệu quả đáng kể.

Điểm đáng chú ý là do người dân chủ yếu sống dựa vào nguồn lợi từ biển nên áp lực của việc khai thác tài nguyên rừng cũng được hạn chế rất nhiều. Quan sát ven các tuyến đường chính xuyên qua rừng của VQG như tuyến Cầu Trắng - Bãi Thơm, tuyến Cầu Trắng - Gành Dầu, tuyến Gành Dầu - Cửa Cạn thấy rõ có rất ít các tác động của con người đến sinh cảnh rừng tự nhiên. Diện tích rừng thứ sinh ven khu dân cư cũng còn tương đối lớn chứng tỏ việc xâm lấn đất rừng làm đất canh tác cũng đã được kiểm soát.

Tuy nhiên, khu vực đáng chú ý nhất hiện nay là diện tích rừng ngập mặn ven biển và các bãi cát dọc bờ biển. Đây là một trong những hệ sinh thái quan trọng chuyển tiếp giữa hệ sinh thái biển và rừng trên đất liền. Do vậy cần có quy hoạch và phương thức quản lý thích hợp, tránh việc xâm lấn và tác động quá mức do hoạt động nuôi trồng các loài thủy sản ở khu rừng ngập mặn. Hơn nữa, các hoạt động du lịch cần đảm bảo tránh gây ô nhiễm đến môi trường (rác thải, tác động tiêu cực của con người).

#### *b) Về săn bắt động vật hoang dã*

Tình trạng săn bắt động vật hoang dã không phổ biến trong khu vực VQG Phú Quốc. Chủ yếu là bẫy thú nhỏ, kỳ đà và rắn trong rừng cũng như ở vùng ven biển ở khu vực núi Hàm Rồng, việc săn bắt và sử dụng một số loại động vật biển như rùa biển, rắn biển cũng cần có biện pháp quản lý hiệu quả hơn.

Hiện tại, VQG đang tập trung vào quản lý và bảo vệ diện tích rừng, phòng chống cháy rừng và bảo vệ sinh cảnh. Các hoạt động bảo tồn động vật hoang dã còn ít được quan tâm. VQG Phú Quốc cần kết hợp với chính quyền địa phương, Hạt kiểm lâm huyện Phú Quốc và các tổ chức bảo tồn, tổ chức các chiến dịch tuyên truyền về bảo vệ động vật hoang dã. Đồng thời tăng cường các hoạt động kiểm soát việc săn bắt và sử dụng các sản phẩm từ động vật hoang dã, đặc biệt chú ý đến các loài quý hiếm (thú, rùa nước ngọt, rùa biển, một số loài rắn) ở khu vực thị trấn Dương Đông.

### **1.6. Tình hình kinh tế- xã hội trực tiếp liên quan đến VQG và việc phát triển DLST.**

#### **1.6.1. Trong phạm vi VQG.**

- Do vị trí của VQG chủ yếu là các đồi núi cao tập trung và nằm sát biển nên dân cư sinh sống chủ yếu bao bọc xung quanh, do đó, không có dân cư sinh sống trong phạm vi ranh giới quản lý của VQG Phú Quốc.



- Giao thông đi lại ngoài hệ thống đường ô tô, chủ yếu là đường bộ và một số đường xe be cũ. Đường đất đỏ nên vào mùa mưa việc đi lại trong VQG rất khó khăn. Một số cầu cống đã cũ, xuống cấp làm cho việc đi lại càng khó khăn hơn.

- Hệ thống đường ô tô đi xuyên qua VQG, tổng chiều dài khoảng 90 km với 12 cây cầu các loại, gồm các tuyến chính như sau :

- \* Dương Đông-Cửa Cạn 12 km
- \* Dương Đông-Bãi Thơm 29 km
- \* Suối Cái-Gành Dầu 19 km
- \* Cầu Trắng đi Hàm Ninh 30 km

### **1.6.2. Vùng Đệm VQG.**

Theo Dự án đầu tư phát triển VQG Phú Quốc và vùng đệm giai đoạn 2001-2005 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định và UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt thực hiện (Quyết định số 91/2002/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ ký ngày 8/6/2001, CV số 1251/BNN-KL ký ngày 7/5/2000 về việc chuyển hạng Khu BTTN Phú Quốc thành VQG và đầu tư giai đoạn 2001-2005), đã xác định vùng đệm của VQG Phú Quốc như sau:

- Vùng đệm trên đất liền của VQG Phú Quốc được quy hoạch thuộc các Xã Cửa Cạn, Cửa Dương, Bãi Thơm, Gành Dầu, Hàm Ninh, Dương Tơ và TT. Dương Đông.

- Do tính chất phân tán theo các cụm dân cư nên có thể chia ra là 4 khu vực nhỏ :

+ *Khu vực I* : Vùng đệm phía Bắc VQG, thuộc các xã Bãi Thơm, Gành Dầu , ranh giới từ mốc địa chính ra biển hoặc từ bià rừng ra đến biển, bao gồm diện tích đất thổ cư, vườn nhà, sản xuất nông nghiệp và đất trống chưa sử dụng của các ấp Gành Dầu, Rạch Tràm, Rạch Vẹm, Bãi Thơm.

+ *Khu vực II* : Vùng đệm phía Đông, thuộc xã Bãi Thơm, Hàm Ninh, ranh giới từ bià rừng ra đến biển, bao gồm diện tích đất thổ cư, vườn nhà, sản xuất nông nghiệp và đất trống chưa sử dụng của các ấp Bãi Thơm, Đá Chồng, Rạch Hàm.

+ *Khu vực III* : Vùng đệm phía Nam, thuộc xã Cửa Cạn, Bãi Thơm, ranh giới từ bià rừng ra đến rạch Cửa Cạn, bao gồm diện tích đất thổ cư, vườn nhà, sản xuất nông nghiệp và đất trống chưa sử dụng của 4 ấp trong xã Cửa Cạn và ấp Xóm Mới (xã Bãi Thơm).

+ *Khu vực IV* : Vùng đệm phía Tây và Tây Nam, nằm dọc theo đường lộ từ Dương Đông đi Bắc đảo và Gành Dầu. Phạm vi thuộc các xã Gành Dầu, Cửa Dương, Bãi Thơm, Dương Tơ và TT. Dương Đông. Ranh giới từ mốc địa chính hoặc bià rừng ra đến đường lộ chính đi Bắc đảo. Phía Tây Nam ranh giới từ nhánh rạch Dương Đông vào giáp ranh ấp Bến Tràm. Bao gồm diện tích đất thổ cư, vườn nhà, sản xuất nông nghiệp và đất trống chưa sử dụng của các ấp Xóm Mới, Suối Sinh, Khu Tượng, Cây Kè ,Cây Thông Ngoài, Bến Tràm, Cây Thông Trong (xã Cửa Dương), khu phố 5 (TT. Dương Đông), một phần ấp Suối Đá (xã Dương Tơ).

Tổng diện tích tự nhiên vùng đệm được quy hoạch là 6.122 ha. Sản xuất vùng đệm chủ yếu là nông nghiệp (chiếm 47,5% diện tích tự nhiên) bao gồm trồng cây công nghiệp lâu năm (cây điều, cây tiêu), chăn nuôi bò lấy phân bón và sức kéo. Qui mô sản xuất không lớn, sản xuất hàng năm không ổn định, sản xuất mang tính quảng canh, du canh và theo kinh nghiệm cổ truyền nên năng suất sản lượng cây trồng, vật nuôi thấp, hiệu quả kinh tế không cao.

- Dân số sinh sống trong và kế cận vùng đệm chủ yếu thuộc các xã Bãi Thom, Gành Dầu, Cửa Cạn, Cửa Dương, Hàm Ninh, Dương Tơ và TT. Dương Đông. Theo thống kê năm 2004, trong vùng dự kiến xây dựng vùng đệm có 17.837 người với 9.092 lao động trong độ tuổi, trong đó 93,5% số người thuộc dân tộc Kinh, 4,5% người Khome và 2 % là người Hoa. Phân theo ngành nghề có 33,3 % số hộ là nông nghiệp, rẫy, còn lại là hộ làm nghề đánh bắt hải sản và dịch vụ. Theo phân loại mức sống hiện hành, mức sống của các hộ dân trong vùng với 30 % thuộc hạng nghèo khó, 54% hạng khá và 16% thuộc hạng giàu có.

Nhìn chung, trong vùng đệm hầu hết là người Kinh, tập quán sản xuất sinh sống người dân là đánh bắt hải sản, sơ chế cá, tôm, mực khô và nông nghiệp (trồng tiêu, trồng cây ăn quả). Trong sản xuất trồng tiêu có nhu cầu rất lớn về phân bón, do đó hàng năm số lượng đồng cỏ bị đốt để có cỏ non vào đầu mùa mưa nuôi bò đã ảnh hưởng lớn đến việc cháy rừng hàng năm, một số ít sinh sống nghề lâm nghiệp chặt nọc tiêu, khai thác lâm sản phụ, dầu chai, song mây, đóng đồ mộc gia dụng, kết hợp trồng hoa màu khoai, bắp (sắn, ngô).

#### **- Y tế, văn hoá, giáo dục.**

Mạng lưới y tế, giáo dục được xây dựng tương đối kiên cố, với tổng số 7 điểm trường phổ thông cơ sở, có 4 trạm xá tại 4 điểm xã với 32 giường bệnh, 1 Bác sĩ, 2 y sĩ, và 25 y tá. Nhìn chung mạng lưới y tế, giáo dục tập trung ở các cụm dân cư (xã). Các khu dân cư sinh sống rải rác dọc theo ven rừng, điều kiện y tế, giáo dục còn nhiều khó khăn, chưa đảm bảo cho trẻ em học hành, người dân điều trị bệnh. Đối với những khu vực vùng sâu, xã xa thị trấn đều cần thiết phải đầu tư xây dựng thêm một số điểm trường và trạm y tế mới bảo đảm việc học hành và điều trị bệnh cho nhân dân.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ đối với đảo đã khó khăn do điều kiện cách xa đất liền, đối với vùng sâu lại càng khó khăn hơn, người dân ít được thông tin, báo chí, văn nghệ thường xuyên, kịp thời nếu có chủ yếu qua hệ thống đài phát thanh, truyền hình.

### **- Giao thông.**

- Giao thông đi lại chủ yếu là đường bộ. Hệ thống đường ô tô tiếp cận được với vùng đệm và VQG, tổng chiều dài khoảng 50 km với 12 cây cầu các loại, gồm các tuyến chính đi qua vùng đệm như sau :

- \* Dương Đông-Cửa Cạn 12 km
- \* Dương Đông-Bãi Thơm 29 km
- \* Suối Cái-Gành Dầu 19 km

Đường ô tô có mặt đường rộng 8 mét, mặt đường chủ yếu cấp phối đất đỏ nối lên các xã. Một số tuyến đường phía Nam nối TT Dương Đông và Hàm Ninh về phía Nam đã được nhựa hoá. Các tuyến đường ven biển phía Bắc, Tây Bắc và Đông Bắc đang triển khai xây dựng.

### **- Điện và các nguồn năng lượng dân dụng khác.**

Chỉ có thị trấn Dương Đông và An Thới và một số xã lân cận có điện lưới từ các nhà máy nhiệt điện đặt tại thị trấn Dương Đông và An Thới. Đa số các xã trong vùng đệm chưa có điện lưới chủ yếu là máy điện nhỏ của hộ dân tự trang bị.

### **- Các hoạt động đầu tư xây dựng, hỗ trợ đã có trên vùng đệm.**

Dự án nước sạch nông thôn; Dự án xoá đói giảm nghèo; Dự án thuộc CT 245/TTg; Dự án cây Tiêu; Dự án hồ chứa nước Dương Đông. Lợi ích từ các dự án phân lớn cho nhân dân tại chỗ và được đánh giá là có hiệu quả.

### **- Nhận xét đánh giá về tình hình kinh tế - xã hội trong vùng đệm**

Nhìn chung, tình hình kinh tế xã hội của vùng đệm phản ánh rõ nét vùng nông thôn của huyện đảo Phú Quốc và có nhiều tiềm năng trong việc tham gia các dịch vụ DLST của Vườn. Trong những năm qua đã có những bước phát triển mới do sự quan tâm đầu tư, chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, huyện và sự đóng góp của nhân dân trong vùng. Một số vấn đề còn cần phải được quan tâm giải quyết ở vùng đệm để hỗ trợ cho hoạt động của VQG như sau :

- Kinh tế các hộ dân trong vùng đệm chủ yếu sống nghề nông nghiệp mà trồng tiêu là chủ yếu bên cạnh đó còn một số hộ đánh bắt hải sản và dịch vụ. Với lực lượng khoảng 33,3% số hộ làm nông nghiệp, vườn, rẫy là một thuận lợi cho công tác giao đất, giao rừng cho hộ quản lý bảo vệ và trồng rừng.

- Tình trạng dân di cư chiếm đất rừng trong phạm vi VQG để làm rẫy, nông nghiệp vẫn còn và là một khó khăn thực sự cho việc quản lý bảo vệ rừng và khôi phục

lại rừng. Một bộ phận hộ dân sống nghề rẫy, vườn vẫn là nguồn lực tác động vào rừng để chặt nọc tiêu, khai thác lâm sản phụ, săn bắt động vật....để kiếm thêm thu nhập.

- Giao thông chưa thực sự thuận tiện, có ảnh hưởng nhiều đến sự đi lại của nhân dân, các hoạt động lâm nghiệp, sản xuất khác.

- Mạng lưới y tế giáo dục còn thiếu , chưa đều khắp và còn nhiều khó khăn trong hoạt động (trang thiết bị, nhân lực) cần được hỗ trợ.

- Mặc dù đã có văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Dự án đầu tư phát triển VQG Phú Quốc và vùng đệm giai đoạn 2001-2005 (CV số 1251/BNN-KL về việc chuyển hạng Khu BTTN Phú Quốc thành VQG và đầu tư giai đoạn 2001-2005 ký ngày 7/5/2001), nhưng cho đến nay việc tổ chức triển khai dự án xây dựng và phát triển vùng đệm của VQG Phú Quốc mới được bắt đầu.

#### **1.7. Hiện trạng nguồn lực và đào tạo nhân sự của VQG.**

Nhân sự của VQG bao gồm 62 người trong biên chế và 85 người hợp đồng. Trong đó, có 10 Đại học (Lâm sinh :3, Kinh tế: 6; Tin học:1), 10 trung cấp lâm sinh và còn lại là nhân viên kỹ thuật. Cho đến nay, chưa có cán bộ, nhân viên của VQG được quy hoạch, đào tạo có liên quan đến du lịch và DLST. Đây là một trong những khó khăn lớn của VQG trong định hướng phát triển DLST cho kịp với tốc độ phát triển du lịch rất nhanh của toàn huyện đảo trong những năm đến.

#### **1.8. Các chính sách và kế hoạch phát triển du lịch tỉnh, vùng, quốc gia liên quan đến huyện đảo Phú Quốc và VQG.**

- Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2010 (ban hành kèm theo QĐ 97/2002/QĐ-TTg ngày 22/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ) đã xác định tỉnh Kiên Giang là một trong 5 vùng du lịch biển của cả nước. Phú Quốc là một trong 17 điểm du lịch trọng điểm của cả nước.
- Trong Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2005-2010 và tầm nhìn đến năm 2020, đã xác định Phú Quốc là 1 trong 4 vùng du lịch trọng điểm của tỉnh (Vùng 1 : Hà Tiên-Kiên Lương; Vùng 2 : Phú Quốc; Vùng 3 : Rạch Giá và phụ cận; Vùng 4 : bán đảo Cà Mau). Phương hướng cơ bản để phát triển du lịch là :
  - Đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Phát triển du lịch phải gắn với việc giữ gìn và phát huy truyền thống cách mạng, bản sắc văn hóa dân tộc, lòng yêu quê hương đất nước, ý thức bảo vệ môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên.
  - Phát triển du lịch nội địa gắn với du lịch quốc tế, đặc biệt là với các nước trong khu vực Asean.
  - Làm phong phú hơn các loại hình và các sản phẩm du lịch.
- Theo Quyết định số 178/QĐ-TTg ngày 05/10/2004 của Thủ Tướng Chính Phủ về phê duyệt “Đề án phát triển tổng thể đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 và tầm nhìn tới năm 2020” đã xác định:
- Tập trung sức xây dựng và phát triển đảo Phú Quốc theo một kế hoạch và bước đi thích hợp thành trung tâm du lịch — nghỉ dưỡng, giao thương quốc tế lớn, hiện đại của vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, phía Tây- Nam đất nước và từng bước hình thành một trung tâm du lịch, giao thương mang tầm cỡ khu vực, quốc tế.
  - Phát triển đảo Phú Quốc phải gắn với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh của đảo và cả nước.
  - Phát triển Phú Quốc phải gắn kết chặt chẽ với vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP Hồ Chí Minh và trong mối quan hệ với khu vực Đông Nam á.
  - Tập trung ưu tiên phát triển mạnh du lịch và từng bước phát triển du lịch chất lượng cao theo quy hoạch; đồng thời thúc đẩy các ngành dịch vụ khác phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu phát huy thế mạnh của đảo.
  - Về nội dung phát triển Phú Quốc quyết định 178/QĐ-TTg cũng đã xác định các tính chất phát triển của Phú Quốc là phát triển đa ngành mà trọng tâm là du lịch:
  - Tập trung xây dựng đảo Phú Quốc trở thành Trung tâm du lịch, trước hết và chủ yếu là du lịch sinh thái đảo-biển chất lượng cao.
  - Phát triển ngành dịch vụ như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm thông tin liên lạc, hàng không, thương mại, y tế, thể thao, giải trí .v.v□vừa đảm bảo đủ điều kiện thực hiện các mục tiêu phát triển của đảo, đồng thời thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hoá.
  - Phát triển lâm nghiệp- nông nghiệp theo hướng đa dạng sinh học, tạo cảnh quan, môi trường phục vụ phát triển du lịch, đáp ứng một phần nhu cầu dân sinh tại chỗ và khách vãng lai.
  - Phát triển thủy sản kết hợp phục vụ tham quan du lịch.
  - Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp với các ngành công nghiệp sạch, giải quyết việc làm và sản xuất hàng hoá phục vụ khách du lịch không gây ô nhiễm, không xâm hại đến môi trường du lịch đảo.

- Phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội huyện đảo mà trọng tâm là phục vụ tốt phát triển du lịch và đảm bảo an ninh, quốc phòng.
  - Phát triển công viên cây xanh, phát triển một số công viên văn hoá thể thao, vui chơi giải trí vừa đảm bảo yêu cầu sinh thái vừa đảm bảo phục vụ khách du lịch.
- Trong Đề án phát triển tổng thể đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 và tầm nhìn tới năm 2020 đã được chính phủ phê duyệt, định hướng quy hoạch các khu du lịch tại đảo Phú Quốc như sau:
- Các loại hình du lịch tại huyện đảo Phú Quốc:

Theo đánh giá của các chuyên gia Tổng cục Du lịch Việt Nam, tại Phú Quốc có thể phát triển khá nhiều loại hình du lịch khác nhau, trong đó du lịch theo các sở thích chung như nghỉ dưỡng và tắm biển có điều kiện thuận lợi và tiềm năng phát triển nhất. Bên cạnh đó các loại hình du lịch đặc biệt theo sở thích riêng cũng có thể phát triển nhiều loại hình tại Phú Quốc (xem bảng 9).

**Bảng 9 : Đánh giá các loại hình du lịch tại Phú Quốc**

<i>Loại hình du lịch</i>	<i>Rất thuận lợi</i>	<i>Thuận lợi</i>	<i>ít thuận lợi</i>	<i>Không thuận lợi</i>
<b>1/ Du lịch theo ý muốn:</b>				
<i>1.1. Du lịch theo những sở thích chung:</i>				
1.1.1. Nghỉ dưỡng và tắm biển:	*			
1.1.2. Du lịch tham quan	*			
1.1.3. Du lịch tàu biển (cruise)	*			
<i>1.2. Du lịch theo những sở thích đặc biệt:</i>				
1.2.1. Thể thao	*			
1.2.2. Mạo hiểm	*			
1.2.3. Sinh thái, thiên nhiên	*			
1.2.4. Văn hoá, nghệ thuật			*	
1.2.5. Tìm hiểu lối sống cộng đồng		*		
1.2.6 Tuần Trăng mật	*			
1.2.7. Casino	*			
1.2.8. Cá cược đua ngựa, đua chó	*			
1.2.9. Sân bắn thú bán hoang dã	*			
1.2.10. Câu cá, câu mực trên biển	*			
1.2.11. Lễ hội				*
1.2.12. Mua sắm		*		
1.2.13. Các loại khác			*	
<b>2/ Du lịch theo nghĩa vụ, trách nhiệm:</b>				
2.1. Thương mại, công vụ			*	
2.2. Chữa bệnh		*		

<i>Loại hình du lịch</i>	<i>Rất thuận lợi</i>	<i>Thuận lợi</i>	<i>ít thuận lợi</i>	<i>Không thuận lợi</i>
2.3. Tín ngưỡng				*
2.4. Thăm thân				*
2.5. Hội thảo, hội nghị, hội chợ		*		

*Tài liệu của Viện Nghiên cứu Du lịch*

- Cơ cấu phân bố không gian khu du lịch Phú Quốc.

*Các cổng du lịch chính:*

+ Cổng đường hàng không

- Trước năm 2010-2012: cổng hàng không Dương Đông
- Sau năm 2010-2012: cổng hàng không Dương Tơ

+ Cổng cho các tàu biển:

- Cổng chính cho các tàu lớn: Bãi Đất Đỏ.
- Cổng cho các tàu từ đất liền : An Thới, Dương Đông, bãi Vòng, Vịnh Đầm.
- Cổng du lịch gắn với Campuchia : Gành Dầu.

*Phát triển trung tâm du lịch:*

Trung tâm du lịch được xác định là nơi xây dựng các cơ sở dịch vụ phục vụ cho khách du lịch như tài chính, bảo hiểm, ngân hàng, thông tin liên lạc, trung tâm thương mại, ẩm thực, bệnh viện.v.v. Trong tương lai, khi Phú Quốc có cơ hội trở thành trung tâm giao thương quốc tế, các trung tâm du lịch này sẽ trở thành các đầu mối giao dịch quan trọng của đảo.

Dự kiến Phú Quốc sẽ xây dựng 2 trung tâm du lịch lớn tại Dương Đông (khu vực sân bay hiện hữu) và Dương Tơ nơi có vị trí gần 2 cổng chính của đảo về hàng không và đường biển.

*Phát triển các khu du lịch tại các khu vực có liên quan đến VQG Phú Quốc (khu vực nhạy cảm về môi trường).*

Khu vực bao gồm các xã Cửa Cạn, Cửa Dương, Gành Dầu, Bãi Thơm, phần phía Bắc xã Hàm Ninh. Mục tiêu của các khu du lịch này là xây dựng các khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng chất lượng cao. Số lượng khách du lịch lưu lại khu vực này không lớn. Định hướng quy hoạch xây dựng các khu du lịch tại các khu vực này như sau:

- Các khu du lịch xây dựng theo mô hình khu du lịch sinh thái. Mật độ xây dựng tối đa 20% trong phạm vi đất đai các dự án xây dựng và phát triển khu du lịch. Các khu du lịch lớn bao gồm khu du lịch Cửa Cạn, Vũng Bầu, Bãi Dài, bãi Rạch Vẹm, bãi Tràm, bãi Thơm và các bãi nhỏ khác.

- Quy mô đất đai xây dựng du lịch tùy thuộc vào khả năng đất đai của từng bãi cát ven biển. Tầng cao xây dựng các công trình tối đa 3 tầng- dưới ngọn cây dừa là loại cây thích hợp và đang trồng nhiều tại các bãi biển Phú Quốc.
- Trong tổng số phòng phát triển du lịch tại Phú Quốc tới năm 2020, khu vực Bắc đảo dự kiến xây dựng khoảng 5.000 phòng chiếm khoảng 25-30% số phòng của toàn đảo. Trong số này dự kiến xây dựng số phòng khách sạn lớn là khu du lịch Cửa Cạn, Gành Dầu và Bãi Dài, các bãi khác quy mô ít hơn.

**Bảng 10 : Định hướng phân bố các cơ sở du lịch tại khu vực Bắc đảo**

	Các khu du lịch	Năm 2010				Năm 2020				
		5 sao	4 sao	3 sao	2005-2010	5 Sao	4 sao	3 sao	2010-2020	2005-2020
1	Bãi Cửa Cạn	0	200	200	400		200	250	450	<b>850</b>
2	Bãi Vũng Bâu	150	0	0	150		400	300	700	<b>850</b>
3	Bãi Dài	0	0	150	150		400	100	500	<b>650</b>
4	Bãi Rạch Tràm	0	0	100	100			300	300	<b>400</b>
5	Bãi rạch Vẹm	0	0	100	100			300	300	<b>400</b>
6	Bãi Ông Lang	0	0	200	200			200	200	<b>400</b>
7	Bãi Thơm		0	100	100			300	300	<b>400</b>
8	Bãi nhỏ khác		0	200	200			1000	1000	<b>1000</b>
	<b>Cộng</b>	<b>150</b>	<b>200</b>	<b>1050</b>	<b>1400</b>	<b>0</b>	<b>1000</b>	<b>2750</b>	<b>3750</b>	<b>4950</b>

Nguồn: Phân viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn Miền Nam, 2005.

Các bãi nhỏ khác tại khu vực đồi ông Lang, ven các núi tại Gành Dầu, Cửa Cạn và Bãi Thơm cũng như các làng du lịch, các khách sạn độc lập xây dựng trong các đô thị tương lai tại Cửa Cạn, Gành Dầu ở khu vực phía Bắc dự kiến khoảng 1.000 phòng chiếm 20% so với số phòng xây dựng tại khu vực Bắc đảo. Các làng biệt thự du lịch đón các loại khách Châu á, Bắc á để tránh mùa rét cũng như phục vụ loại khách du lịch homestays v.v dự kiến xây dựng tại khu vực biển phía Đông từ ấp Rạch Hàm tới Bãi Thơm.

### **1.9. Các dự án, các bên tham gia liên quan đến hoạt động DLST VQG.**

VQG Phú Quốc hiện đang phối hợp với Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng Nam bộ xây dựng Dự án quy hoạch phát triển du lịch sinh thái VQG Phú Quốc đến năm 2010 tầm nhìn 2020. Dự án đang được các cấp có thẩm quyền xem xét. Ngoài ra, chưa có dự án, chương trình nào liên quan đến DLST được triển khai ở VQG.

Hiện Tổ chức WAR đang hỗ trợ cho VQG thực hiện dự án xây dựng và phát triển chiến lược DLST và đang trong giai đoạn thử nghiệm.



### 1.10. Hiện trạng hạ tầng cơ sở liên quan đến DLST của VQG.

Do những khó khăn về vốn đầu tư, chưa có dự án du lịch được phê duyệt nên hạ tầng cơ sở du lịch sinh thái của VQG hầu như chưa có gì.

### 1.11. Tình hình hoạt động DL tại Phú Quốc và DLST tại VQG.

#### a) Hiện trạng phát triển du lịch tại Phú Quốc

Khách du lịch tới Phú Quốc đã tăng khá nhanh trong thời kỳ qua- khoảng 60%/năm từ 1995- 2004 (xem bảng 11). Trong phần tăng này, tỷ lệ khách quốc tế cao hơn khách nội địa.

**Bảng 11: Hiện trạng khách du lịch tới Phú Quốc 1995 - 2004**

*Đơn vị : Lượt khách*

	Khách du lịch	1995	1999	2001	2003	2004	Tăng trưởng TB (%)
<b>1</b>	Khách quốc tế	1.106	7.728	22.748	26.100	35.800	68,0
	<i>% so với cả tỉnh</i>	<i>22,1</i>	<i>63,1</i>	<i>90,8</i>	<i>87,5</i>	<i>97,0</i>	
<b>2</b>	Khách nội địa	3.437	8.942	32.249	60.900	95.250	57,8
	<i>% so với cả tỉnh</i>	<i>8,1</i>	<i>9,3</i>	<i>23,8</i>	<i>33,2</i>	<i>47,1</i>	
<b>3</b>	<b>Tổng số khách</b>	<b>4.543</b>	<b>16.220</b>	<b>54.997</b>	<b>87.000</b>	<b>131.050</b>	<b>60,3</b>
	<i>% so với cả tỉnh</i>	<i>9,7</i>	<i>14,9</i>	<i>30,7</i>	<i>38,7</i>	<i>44,3</i>	

Nguồn: - Phòng Thống kê, UBND huyện Phú Quốc

- Tỷ lệ khách quốc tế lưu trú tại đảo tăng dần từ 20,4% năm 1999 lên đến 72,1% năm 2004. Đây là dấu hiệu đáng ghi nhận đối với sự phát triển du lịch của Phú Quốc (Bảng 12).

**Bảng 12 : Hiện trạng khách du lịch lưu trú tại Phú Quốc (1999-2004)**

Khách du lịch	1999	2000	2001	2003	2004	Tăng trưởng TB (%)
Khách quốc tế lưu trú	1.578	2.078	18.209	16.869	25.800	171,8
<i>% tổng khách đến</i>	<i>20,4</i>	<i>34,9</i>	<i>42,6</i>	<i>64,6</i>	<i>72,1</i>	
Khách nội địa lưu trú	8.672	10.800	32.249	60.900	95.250	72,0
<i>% tổng khách đến</i>	<i>96,9</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>	

Nguồn: - Phòng Thống kê, UBND huyện Phú Quốc  
- Sở Thương mại Du lịch Kiên Giang

Phương tiện vận chuyển khách du lịch được đa số lựa chọn là đường hàng không. Theo thống kê 67,8% khách du lịch quốc tế và 78,9% khách nội địa tới Phú Quốc bằng đường hàng không. Phương tiện còn lại là đường thủy. Hiện đường thủy đã có 6 loại tàu

cao tốc xuất phát từ Rạch Giá và Hòn Chông đi Phú Quốc với thời gian từ 2- 3 tiếng, thay bằng 6-7 tiếng loại tàu sắt bình thường.

**b) Hiện trạng xây dựng cơ sở vật chất phục vụ du lịch tại Phú Quốc**

Du lịch Phú Quốc đã có những bước phát triển nhanh về cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Năm 1995 Phú Quốc mới chỉ có 3 cơ sở lưu trú với 87 phòng và 174 giường cho khách nghỉ; năm 2002 trên đảo đã có 34 cơ sở lưu trú, 177 phòng và 296 giường; và đến năm 2004 toàn đảo đã có 60 cơ sở lưu trú, trong đó có 22 khách sạn, với tổng số 1.092 phòng . Như vậy số lượng cơ sở lưu trú hiện nay đã tăng gấp 20 lần và số lượng phòng tăng gấp 12,5 lần so với 10 năm về trước (Bảng 13).

**Bảng13: Quá trình phát triển cơ sở lưu trú du lịch tại Phú Quốc 1995-2004**

Hạng mục	1995	1997	1999	2000	2001	2002	2003	2004
Tổng số cơ sở	3	3	8	25	34	34	35	60
Tổng số phòng	87	87	180	-	-	277	852	1.092
Tổng số giường	174	242	290	-	-	796	1.480	2.900

Nguồn: - Phòng Thống kê, UBND huyện Phú Quốc  
 - Sở Thương mại Du lịch Kiên Giang

Các cơ sở khách sạn chủ yếu tập trung tại Dương Đông 52 cơ sở, còn lại là An Thái 6 cơ sở, Ông Lang- Cửa Dương 2 cơ sở. Một số cơ sở du lịch có quy mô vừa là Sài Gòn-Phú Quốc 90 phòng, Hương Biển 65 phòng, Ngàn sao 50 phòng, Kim Hoa 44 phòng, Long Beach 33 phòng.v.v□ Có nhiều cơ sở quy mô quá bé —dưới 10 phòng.

**c) Hiện trạng xây dựng tại các khu du lịch biển đảo Phú Quốc.**

Phú Quốc có 14 bãi biển chính và hàng chục bãi biển có quy mô nhỏ hơn. Nói chung, các bãi biển của Phú Quốc còn hoang sơ chủ yếu để ngư dân khai thác đánh bắt hải sản.

Trong những năm gần đây, một số bãi được khai thác một phần phục vụ cho mục đích du lịch như Dương Đông, Bà Kèo- Cửa Lấp, chủ yếu là các bãi biển đã có cơ sở du lịch.

**Bãi Dương Đông**

Bãi Dương Đông chạy dài từ ấp Gành Gió xuống phía Nam giáp với Dương Tơ. Bãi này chia thành một số khu vực khác nhau:

- Bãi phía Bắc từ cửa sông Dương Đông tới ấp Gành Gió hiện đã lấp đầy nhà của dân cư đánh bắt hải sản. Bên ngoài biển thường là nơi neo đậu các thuyền của các ngư dân.
- Khu vực từ cửa Dương Đông tới khu du lịch của quân đội. Đây là khu vực tập trung lớn nhất xây dựng các cơ sở khách sạn của Phú Quốc hiện nay. Gồm các cơ sở như

khách sạn Hương Biển, khách sạn Sài Gòn-Phú Quốc resort, khách sạn Phương Nam resort, khách sạn Ngàn sao resort, khách sạn quân đội (đang xây dựng).v.v□

- Khu vực phía Nam tới địa phận Dương Tơ thuộc khu vực Bà Kèo đã được quy hoạch thành khu du lịch. Hiện có một số cơ sở du lịch đang khai thác một số vị trí ven biển làm nhà hàng, nhà nghỉ.v.v□
- Khu du lịch Bà Kèo đã được UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt quy hoạch chi tiết. Tuy nhiên quy hoạch này khó khả thi do đã không xác định rõ ràng các khung cứng để Nhà nước đầu tư và khu vực mềm cho các doanh nghiệp du lịch đầu tư. Bên cạnh đó, việc quản lý xây dựng chưa tốt. Một số cơ sở du lịch quá lạm dụng tỷ lệ sử dụng đất trong xây dựng công trình và hạ tầng. Đất đai dành cho cây xanh quá ít.

Cơ sở hạ tầng chính của các khu du lịch này là tuyến đường từ Dương Đông đi An Thới mới được nhựa hoá tới khu du lịch Sài Gòn- Phú Quốc. Các đoạn tuyến còn lại chủ yếu là đường đất đỏ.

Các khu du lịch sử dụng chủ yếu là nước ngầm tự khoan giếng. Nguồn điện sử dụng nhà máy điện Dương Đông nhưng có các máy phát điện dự phòng.

#### *Bãi Sao:*

Bãi Sao nằm trên bờ biển phía Đông, khu vực phía Nam đảo được đánh giá là bãi đẹp của Phú Quốc với bãi cát trắng mịn, hai mũi núi 2 bên tạo thành bãi vòng cung đẹp mắt. Đất đai xây dựng khá thuận lợi. Hiện Bãi Sao đang được khai thác dưới dạng hoang dã. Chưa có dự án nào đang triển khai xây dựng khu du lịch tại đây. Phú Quốc mới cải tạo nền đường vào Bãi Sao. Trong bãi hiện có một vài nhà hàng phục vụ khách du lịch.

Bãi Sao hiện có một số dự án phát triển du lịch đang được lập và trình cấp thẩm quyền phê duyệt như khu du lịch Bãi Sao của Saigontourist, khu sân golf.v.v□

#### *Bãi Ông Lang.*

Bãi Ông Lang có vị trí gần thị trấn Dương Đông trên bờ biển phía Tây Phú Quốc. Bãi tập hợp một số bãi biển quy mô nhỏ. Hiện đã có một số dự án xin đầu tư vào các bãi nhỏ này như khu du lịch Thắng Lợi.

#### *Bãi Vòng.*

Bãi Vòng nằm phía Nam xã Hàm Ninh trên bờ biển phía Đông Phú Quốc . Bãi Vòng hiện có 1 cụm dân cư làng chài Bãi Vòng thuộc Hàm Ninh. Hiện bãi này đang được đầu tư hạ tầng gồm tuyến đường nối với tuyến đường chính Dương Đông- An Thới, đường vòng đảo nối với ấp Rạch Hàm- trung tâm xã Hàm Ninh, cầu cảng cho các tàu thuyền đánh bắt hải sản và thương mại. Khu vực này hiện đã có một số dự án xây dựng khu du lịch, khu biệt thự.v.v□. Tuy nhiên các dự án khu du lịch và xây dựng biệt thự chưa triển khai.

#### ***d) Các bãi biển chưa khai thác cho du lịch***

##### ***Hiện trạng Bãi Trường***

Bãi Trường là một bãi biển đẹp, dài trên 10km từ sông Cửa Lấp tới mũi Tàu Rũ. Đây là bãi có tiềm năng lớn để khai thác du lịch biển. Hiện bãi này còn hoang sơ. Trên bãi hiện nay có một số cụm dân cư và nhà ở của dân. Quy mô dân cư lớn nhất là ấp Đường Bào hiện có trên 1.200 dân. Có một số hộ dân nông nghiệp ở rải rác chạy dài theo tuyến từ đường Bào tới mũi Tàu Rũ. Dọc trên bãi còn có 1 cơ sở nuôi ngọc trai. Tuy nhiên cơ sở này hiện không hoạt động.

##### ***Hiện trạng Bãi Đất Đỏ.***

Là một bãi đẹp, dài 1,1km nhưng còn khá hoang sơ. Đường vào bãi chưa được nâng cấp- mới được làm nền từ ấp 7 vào tới bãi. Phía ấp 6 cạnh mũi ông Bốn đã hình thành 1 cụm làng chài với khoảng 30- 40 hộ.

##### ***Hiện trạng Bãi Khem:***

Bãi Khem là một trong ít bãi đẹp nhất của Phú Quốc. Bãi có chiều dài khoảng 1,8-2km. Bãi Khem hiện do quân đội quản lý làm trường tập bắn.

##### ***Hiện trạng bãi Cửa Cạn:***

Bãi Cửa Cạn dài khoảng 2,9- 3,5km kéo dài từ cửa sông Cửa Cạn tới mũi Oông Lang. Bãi này hầu như nguyên sơ, chưa có đường vào. Phía Bắc bãi là dân cư thuộc ấp Lê Bát, xã Cửa Cạn cách bãi bằng cửa sông Cửa Cạn. Khu vực đất đai trên bãi khá bằng phẳng, hiện là rừng tự nhiên chủ yếu là cây tràm.

##### ***Hiện trạng bãi Vũng Bầu***

Bãi Vũng Bầu thuộc xã Cửa Cạn nằm trên bờ biển phía Tây- Bắc Phú Quốc. Là một trong số ít bãi có bãi cát đẹp, chạy dài theo hình vòng cung do 2 dãy núi Oông Quới và núi Vũng Bầu tạo nên. Bãi có chiều dài 2,8-3km. Phía trên bãi là khu vực đất đai bằng phẳng hiện là phần đất rừng tự nhiên thuộc rừng quốc gia Phú Quốc.

Bãi hiện còn rất hoang sơ. Con đường dọc bờ biển phía Tây từ Cửa Cạn đi Gành Dầu đi qua bãi Vũng Bầu gần với bãi cát hiện chỉ cho phép xe ô tô 4 bánh lưu thông. Trên bãi hiện có 2 nhà hàng nằm ở hai đầu bãi.

##### ***Hiện trạng bãi Dài.***

Bãi Dài nằm phía Bắc bãi Vũng Bầu thuộc xã Gành Dầu. Bãi có chiều dài đứng thứ 2 sau bãi Trường- Dương Tơ. Bãi dài 5,5- 6km từ mũi Vũng Bầu tới mũi đá Trãi- Gành Dầu. Giống với bãi Vũng Bầu, bãi Dài hiện cũng rất hoang sơ. Dọc trên bãi hiện có một số ít nhà dân làm nghề đánh bắt và chế biến hải sản. Đất đai phía sau bãi biển tương đối bằng phẳng- là phần đất thuộc rừng quốc gia Phú Quốc. Đường vòng đảo phía tây cũng đi gần sát bờ biển hiện là đường cấp phối. Xe ô tô 4 bánh có thể qua, lại.

### *Hiện trạng bãi Rạch Vẹm*

Bãi Rạch Vẹm thuộc xã Gành Dầu nằm về phía Bắc đảo Phú Quốc. Bãi có chiều dài khoảng 3,5km với bãi cát trắng mịn rất phù hợp cho du lịch bãi biển. Hiện tại, trên bãi đã hình thành 2 cụm dân cư làng chài lẫn dân nông nghiệp khoảng 160 hộ với trên 720 người. Nhà ở của các cụm làng chài bố trí dọc theo bờ biển. Dân cư nông thôn bố trí dọc theo đường từ đường vào tới mé biển.

### *Hiện trạng bãi Rạch Tràm*

Bãi Rạch Tràm thuộc xã Bãi Thơm, nằm trên bờ biển phía bắc Phú Quốc. Bãi dài từ 2,5-3km. Giống với bãi Rạch Vẹm, bãi Rạch Tràm cũng còn rất hoang sơ và cũng đã hình thành cụm dân cư làng chài tập trung tại cửa rạch Tràm. Cụm dân cư Rạch Tràm hiện có khoảng 370 hộ với trên 1100 người chủ yếu là dân làng chài và một bộ phận nhỏ làm nông nghiệp.

Đường bộ tới rạch Tràm mới thông xe 4 bánh từ vài năm nay.

### *Hiện trạng Bãi Thơm.*

Bãi Thơm nằm về phía Nam trung tâm xã Bãi Thơm hiện nay. Bãi có chiều dài khoảng 1- 1,5km với chiều rộng bãi cát không lớn. Bãi hiện còn trong tình trạng hoang dã- chưa khai thác.

### *Hiện trạng các bãi nhỏ khác.*

Các bãi nhỏ khác chủ yếu tập trung tại bờ phía Đông đảo Phú Quốc. Các bãi này hiện chỉ mới sử dụng một số khu vực cho các làng chài thuộc các ấp Đá Chồng (Bãi Thơm), ấp Cây Sao, Bãi Bồn (Hàm Ninh). Các khu vực khác chưa có sự khai thác nào.

Trong các bãi nói trên, bãi Cửa Cạnù, bãi Vững Bàu và bãi Dài nằm trong ranh giới quản lý của VQG Phú Quốc.

### ***e) Hiện trạng khai thác các điểm du lịch nhỏ khác***

Phú Quốc hiện đang khai thác phục vụ du lịch một số di tích lịch sử- văn hoá như đền thờ Nguyễn Trung Trực, Nhà lao cây Dừa, Dinh Cậu, đình thần Dương Đông, Sùng Hưng cổ tự, Chùa Sư Môn.v.v□ Các điểm du lịch này đã đóng góp đáng kể trong nội dung các chương trình tour du lịch ở đảo. Một số thắng cảnh tự nhiên tại Phú Quốc hiện cũng được khai thác phục vụ du lịch như suối Đá Bàn, suối Tranh.v.v□

Tuy nhiên mức độ đầu tư, tôn tạo và khai thác các điểm này còn thấp, chưa tạo ra được các sản phẩm du lịch đặc sắc.

### ***g) Hiện trạng hoạt động DLST tại VQG Phú Quốc***

Cho đến nay hoạt động DLST tại VQG chưa có gì, trong văn kiện dự án đầu tư của VQG đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt năm 2001 cũng chỉ mới đề cập đến quan điểm, mục tiêu phát triển, dự kiến một số loại hình du lịch và sản phẩm du lịch cùng với những vấn đề cần quan tâm khi tổ chức DLST ở VQG.

Năm 2004, Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng Nam bộ đã hỗ trợ tỉnh Kiên Giang xây dựng Dự án phát triển du lịch sinh thái ở VQG Phú Quốc đến năm 2010 tầm nhìn đến năm 2020. Dự án này đang được hoàn thiện để trình cho các cấp có thẩm quyền xem xét. Do đó, bản chiến lược này được soạn thảo cùng lúc sẽ là một bổ sung hoàn thiện cho nền tảng phát triển DLST lâu bền của VQG Phú Quốc.

## ***II. Thuận lợi, khó khăn và thách thức về phát triển DLST ở VQG Phú Quốc.***

### ***2.1 Thuận lợi.***

- Kiên Giang và vùng đồng bằng sông Cửu Long là cơ sở hậu cần rất quan trọng cho phát triển du lịch Phú Quốc (kể cả Hà Tiên). Nếu QL 80 được nâng cấp, tuyến đường Hồ Chí Minh đi tới Rạch Giá, Hà Tiên cùng với các phương tiện vận tải thủy hiện đại khác nối liền đất liền và đảo Phú Quốc thì các tiềm năng du lịch nội địa tại Phú Quốc- Hà Tiên sẽ phát triển nhanh.
- Phú Quốc nằm ở trung tâm của thị trường du lịch năng động của vùng Đông Nam á. Xung quanh Phú Quốc với đường bay từ 500-1.200 km có các trung tâm du lịch lớn như TP. Hồ Chí Minh, Bangkok, Pnompenh, Kuala-Lumpua, Gia Cac Ta, Pattaya, Phuket (Thái Lan), Ba li (Indonesia)...nếu sân bay Phú Quốc được xây dựng đủ tiêu chuẩn, sẽ có các đường bay quốc tế từ các trung tâm du lịch trên thẳng đến Phú Quốc.
- Phú Quốc nằm gần đường hàng hải quốc tế và khu vực nhộn nhịp trong đó lượng tàu du lịch ven biển đang phát triển nhanh. Nếu Phú Quốc có cảnh thuận lợi cho tàu du lịch, chắc chắn sẽ đón được khách trên các tàu du lịch quốc tế.
- Hà Tiên cũng được Chính phủ quyết định là một trong các trung tâm du lịch lớn của cả nước. Phú Quốc và Hà Tiên cách nhau chưa đến 50 km và được nối với nhau bằng các hòn đảo nhỏ xinh đẹp. Sự kết hợp giữa Phú Quốc và Hà Tiên là một điều kiện bổ sung rất tốt cho môi trường du lịch phong phú hơn, hấp dẫn hơn đối với du khách.
- VQG Phú Quốc có vị trí địa lý rất hấp dẫn không những đối với bên ngoài đảo mà cả trong hệ thống các khu du lịch tập trung được quy hoạch và sẽ xây dựng đến năm 2020 của đảo Phú Quốc (cự ly tiếp cận < 50 km). Đường giao thông chính đến một số điểm có tài nguyên DLST hầu như đã được xây dựng.

- VQG với đa dạng tài nguyên DLST, đa dạng cảnh quan tự nhiên, phong phú về tài nguyên rừng, tài nguyên biển, đa dạng sinh học được bảo tồn khá nguyên vẹn. Đây là những tiền đề để phát triển DLST thành công.
- UBND tỉnh Kiên Giang và huyện Phú Quốc đặc biệt quan tâm đến phát triển DLST trên địa bàn và đã có các chính sách khuyến khích, kêu gọi đầu tư phát triển DLST. Những năm gần đây, Phú Quốc là một huyện có thu nhập GDP từ phát triển du lịch chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu phát triển kinh tế huyện. Do đó, có điều kiện thuận lợi trong việc đầu tư, xây dựng các dự án về DLST liên quan đến VQG.
- Lượng khách nội địa và quốc tế đến Phú Quốc tiếp tục tăng với tốc độ cao, nhất là khách quốc tế.
- Môi trường chưa bị ô nhiễm, còn nguyên tính hoang dã, không khí trong lành.

## 2.2 Khó khăn và thách thức

- Những khó khăn về phát triển DLST ở VQG Phú quốc bao gồm: (i) Thiếu kiến thức về DLST trong cán bộ quản lý và cán bộ các bên liên quan; (ii) Thiếu các hoạt động đào tạo đội ngũ hoạt động trong ngành DLST; (iii) Khó khăn trong bảo vệ môi trường do hoàn cảnh đất nước còn nghèo, kinh phí đầu tư chưa phù hợp; (iv) Thiếu các nguồn tài chính để xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch; (v) Chưa có các tài liệu thông tin quảng cáo về các tiềm năng, sản phẩm và các hoạt động DLST ở VQG; (vi) Thiếu một bản chiến lược quản lý DLST tại VQG cùng với các đặc điểm quy hoạch cụ thể cho DLST trong phạm vi VQG và đội ngũ cán bộ nhân viên hoạt động chuyên về DLST như tại một số quốc gia khác.
- Mối quan hệ giữa người dân địa phương và việc bảo tồn VQG còn yếu do ý thức thấp về tầm quan trọng của bảo tồn và tính độc đáo của VQG.
- Luôn luôn có áp lực từ cộng đồng địa phương lên VQG qua các hoạt động săn bắt trái phép, chặt đốn cây... Điều này có tác động to lớn đến sự đa dạng sinh học của VQG. Một số khu rừng tràm thường bị lửa vào mùa khô (đốt lấy cỏ non cho chăn nuôi bò) cũng ảnh hưởng đến tính đa dạng sinh học của Vườn.
- Vùng đệm thì hầu như chưa được đầu tư, thiếu cơ sở hạ tầng xử lý nước và rác thải, chất thải trong chế biến cá. . .nhiều nơi đã xuất hiện ô nhiễm (Vũng Bàu, Cửa cạn). Điều này có ảnh hưởng đến việc hấp dẫn du khách.
- Chưa có sự quan hệ nào trong các hoạt động du lịch giữa VQG và các công ty du lịch, các nhà tổ chức tour.
- Chưa có hoạt động tiếp thị nào về DLST ở VQG được tổ chức .
- Ngành du lịch tuy chỉ mới phát triển nhưng đã cho thấy tiềm năng to lớn của nó. Tuy nhiên để phát triển, ngành này đang đứng trước những thách thức to

lớn về cơ chế, chính sách và đặc biệt là hệ thống cơ sở hạ tầng vốn đang rất yếu kém như đường sá, cấp điện, cấp nước, vệ sinh môi trường.vv..

**Thách thức:**

- Sự bùng nổ phát triển du lịch tại Phú Quốc đã xảy ra sau khi có Quyết định số 178 của TTg chính phủ, nhất là sau khi Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc được xây dựng năm 2005 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó có vấn đề nhu cầu đất đai để phát triển hạ tầng cơ sở du lịch chất lượng cao có liên quan đến VQG.
- Theo quyết định và quy hoạch nói trên, Phú Quốc sẽ tập trung phát triển thành trung tâm du lịch sinh thái chất lượng cao tầm cỡ khu vực và quốc tế. VQG Phú Quốc sẽ phải đáp ứng các nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, nghiên cứu của một số lượng không nhỏ khách du lịch đến lưu trú thường xuyên ở Phú Quốc (ước tính khoảng 30.000-40.000 người/năm).
- Các vấn đề sẽ xảy ra là: Tác động về môi trường, khả năng quá tải sức chứa do nhu cầu tham quan cao, đa dạng của khách du lịch đến Phú Quốc khi mà VQG trở thành một trong những điểm đến trong tour du lịch trọn gói.



### **Phần III: Chiến lược phát triển DLST VQG Phú Quốc giai đoạn 2006-2015.**

#### **I. Một số dự báo liên quan đến phát triển DLST ở VQG Phú Quốc.**

##### **1.1. Dự báo về dân số- xã hội.**

*Dự báo tăng dân số .*

+ **Dự báo tăng dân số tự nhiên** : Dân số hiện tại của đảo Phú Quốc khoảng 81 ngàn dân. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên vào khoảng 1,7%/năm. Dự kiến tỷ lệ tăng dân số tự nhiên của đảo Phú Quốc sẽ giảm xuống khoảng 1,5%/năm vào năm 2010 và 1,2-1,3%/năm vào năm 2020, dân số của Phú Quốc sẽ vào khoảng 90.000 người vào năm 2010 và khoảng 102.000 người vào năm 2020.

+ **Dự báo theo tỷ lệ tăng trọt cơ học**: Năm 1995 dân số đảo Phú Quốc khoảng 58.000 người, năm 2004 đã tăng lên 81.000 người. Như vậy, tốc độ tăng dân số tự nhiên và cơ học khoảng 4%/năm, trong đó tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 2%/năm và tăng cơ học 2%/năm.

Nếu duy trì tỷ lệ tăng cơ học khoảng 4% năm và tỷ lệ tăng dân số tự nhiên sẽ giảm xuống còn 1,2-1,3% ; thì dân số đảo Phú Quốc sẽ vào khoảng 110.000 người vào năm 2010 và khoảng 190.000 dân vào năm 2020. Nếu tính cả quốc phòng- an ninh, dân số sẽ trên 200.000 người. Nếu tính cả khách du lịch trong ngày trung bình khoảng 20.000-30.000 người/ngày thì dân số khoảng 230.000 người .

+ **Dự báo dân số theo phương pháp cân bằng lao động**: Viện nghiên cứu du lịch đã đưa ra các con số về nhu cầu lao động trong ngành du lịch của Phú Quốc khoảng 53.000- 61.000 vào năm 2020<sup>1</sup> tương ứng với cơ sở vật chất du lịch vào khoảng 11.000 phòng khách sạn các loại.

Tuy nhiên để đón tiếp khoảng 2-3 triệu khách du lịch, số phòng khách sạn dự kiến từ 16.000- 20.000 phòng, số lượng lao động trực tiếp và gián tiếp liên quan tới du lịch sẽ vào khoảng 70.000- 80.000 lao động vào năm 2020.

Với việc phát triển các ngành kinh tế khác như lâm nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ (trừ dịch vụ du lịch đã tính), công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.v.v□lao động trong các ngành này tại Phú Quốc cũng vào khoảng 35.000- 40.000 lao động (tăng hơn mức hiện nay của các ngành này khoảng 1,5 lần chủ yếu là tăng ở khối quản lý, dịch vụ công cộng như y tế, giáo dục, văn hoá, xã hội.v.v).

Với các tính toán trên, lao động của Phú Quốc tới năm 2020 cần khoảng 110.000-120.000 lao động. Nếu tính 50% phụ thuộc thì dân số liên quan tới phát triển du lịch khoảng 220.000-250.000 người.

---

<sup>1</sup> Các chuyên gia tính toán không 1 lao động trực tiếp trong ngành kinh doanh khách sạn có 2 lao động gián tiếp bên ngoài.

### Dự báo khách vãng lai.

Tính toán theo các tiêu chuẩn hiện hành về thời gian nghỉ của lượt khách du lịch, dự kiến tới năm 2010 có khoảng 7- 8 ngàn và năm 2020 có khoảng 30- 40 ngàn khách du lịch sẽ lưu trú thường xuyên tại đảo Phú Quốc.

Nếu tính cả khách du lịch thường xuyên có mặt tạo đảo khoảng 30- 40 ngàn người thì dân số của Phú Quốc vào năm 2020 khoảng 260.000- 280.000 người.

### 1.2. Dự báo về sử dụng đất.

Dự kiến đất đai để xây dựng các khu du lịch Bắc đảo khoảng 400 — 420 ha, trong đó đất đai cho các dự án du lịch khoảng 250 ha và đất đai xây dựng cơ sở dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, công viên .v.v...khoảng 150- 180 ha (Bảng 14).

#### Khả năng khai thác quỹ đất phục vụ du lịch.

Ngoài các bãi biển đẹp Phú Quốc còn có nhiều quỹ đất bên trong để phát triển du lịch như xây dựng các làng du lịch, các khu biệt thự cao cấp phục vụ nhiều loại khách du lịch khác nhau. Hàng ngàn hecta đất đai loại này được phân bố dọc bờ biển phía do thuộc Hàm Ninh, Bãi Thơm và ven các dãy núi ven biển thuộc An Thới, Dương Đông, Cửa Dương (đôi ông Lang).v.v. Các diện tích này hiện đang là đất nông nghiệp và một phần đất lâm nghiệp có khả năng chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Một số khu du lịch như Cửa Cạn, Vũng Bàu, Bãi Dài, Bãi Thơm quy hoạch, đất phục vụ du lịch chủ yếu là nằm trong ranh giới VQG và thuộc các Phân khu phục hồi sinh thái I, II. Điều này sẽ ảnh hưởng đến chính sách sử dụng đất đai của VQG theo các quy định hiện hành.

**Bảng 14 : Dự kiến đất đai xây dựng các khu du lịch Bắc đảo tới năm 2020.**

	Tên bãi	Diện tích đất khách sạn (ha)				Diện tích đất dịch vụ-công cộng (ha)					Tổng cộng (ha)
		5 sao	4 sao	3 sao	Cộng	CTDV	Hạ tầng	Công viên	Khác	Cộng	
1	Bãi Cửa Cạn	0	32	22.5	55	10.9	8.2	5	16	41	95
2	Bãi Vũng Bàu	12	32	15	59	11.8	8.9	5.9	3.5	30.1	89
3	Bãi Dài	0	32	12.5	45	8.9	6.7	4.5	2.7	22.7	67
4	Rạch Tràm	0	0	20	20	4.0	3.0	2.0	1.2	10.2	30
5	Bãi rạch Vẹm	0	0	20	20	4.0	7.0	8.0	2.4	21.4	41
6	Bãi Ông Lang	0	0	20	20	4.0	3.0	2.0	1.2	10.2	30
7	Bãi Thơm	0	0	20	20	6.0	6.0	5.0	2.0	19.0	39
8	Bãi nhỏ khác				10						15
	<b>Cộng</b>	12	96	130	249	49.6	42.8	32.4	29	154.6	406

Nguồn: Phân viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn Miền Nam, 2005.

### 1.3. Dự báo về môi trường.

Dân cư Phú Quốc sẽ tăng lên khoảng 300.000 người vào năm 2020 trong đó dân cư Phú Quốc có khoảng 220.000-250.000 người và khách du lịch khoảng 30.000-40.000 người. Như vậy, mật độ dân số của Phú Quốc sẽ vào khoảng 480 người/km<sup>2</sup> cao hơn mật độ dân số trung bình hiện nay của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Số lượng dân số này thấp hơn nhiều so với các khu vực khác có cùng diện tích như Singapore có trên 3 triệu dân, TP. Hồ Chí Minh có trên 6 triệu dân.

Để giảm thiểu tác động của con người lên môi trường tại Phú Quốc, Quyết định 178/2004 đã xác định các giải pháp cơ bản:

- Đất rừng phải duy trì khoảng 37.000ha chiếm khoảng 65,7% diện tích tự nhiên của Đảo.
- Đất nông nghiệp ổn định ở mức 4.600 ha .
- Giới hạn tăng dân số tới năm 2020 khoảng trên 200-230 ngàn dân.

Trong quy hoạch, các giải pháp về không gian cũng đã được quan tâm như :

- Diện tích xây dựng trên đảo Phú Quốc chỉ chiếm 18- 20% diện tích tự nhiên của đảo, trong đó diện tích thực sự xây dựng chỉ chiếm 10-15% (có thể coi các sân golf, trên 70% diện tích khu du lịch sinh thái là phân đất cây xanh). Tỷ lệ này phù hợp với tiêu chuẩn của một khu du lịch sinh thái chất lượng cao khi trên 80% diện tích đất chủ yếu là rừng và cây xanh. Nếu 4.600 ha đất nông nghiệp trồng các loại cây dài ngày, thì tỷ lệ cây xanh trên đảo sẽ rất lớn.
- Tại các khu vực nhạy cảm về môi trường-sinh thái như khu vực phía Bắc; rừng đầu nguồn của các hồ đập dự kiến xây dựng , các đảo trong quần đảo An Thới không xây dựng các khu du lịch đông người mà chủ yếu bố trí các khu du lịch sinh thái chất lượng cao.
- Cũng tại các khu vực trên không bố trí đô thị hoặc dân cư tập trung quy mô lớn mà chỉ giữ mức độ như hiện nay. Dân số chỉ có tăng tại các trung tâm xã Gành Dầu, Cửa Cạn, Bãi Thơm là các khu vực ít nhạy cảm về môi trường.
- Các khu vực du lịch lớn, cũng như các đô thị có quy mô tương đối cùng với cơ sở hạ tầng tập trung (sân bay, bến cảng.v.v□) đều được tập trung quy hoạch vào khu vực Nam đảo là khu vực ít nhạy cảm về môi trường.
- Tiêu chí sử dụng đất xây dựng khu du lịch, các đô thị và khu dân cư nông thôn tại Phú Quốc đã được nâng lên so với các khu đô thị và dân cư bình thường. Mức tăng này khoảng 25-30% dành để trồng cây xanh, tạo các công viên du lịch.
- Các đường chính của đảo đều dành tỷ lệ trên 50% để trồng cây xanh trong các hành lang bảo vệ, giải phân cách lòng đường (trừ khu vực đi qua rừng quốc gia và các loại rừng khác).

- Việc khai thác điều kiện sông rạch và địa hình tự nhiên để xây dựng các hồ đập, một mặt đảm bảo sự bền vững cung cấp nguồn nước cho nhu cầu phát triển du lịch, nước sinh hoạt của các đô thị và khu dân cư, các hồ đập này cũng sẽ tác động tới vi khí hậu của khu vực rừng xung quanh hồ từ đó tạo nên một lượng sinh khối lớn về rừng trong khu vực hồ, đập.
- Tuyến đường vành đảo được quy hoạch cách các bãi biển khoảng 800m sẽ tạo điều kiện rất lớn giảm thiểu khói bụi, tiếng ồn của các phương tiện vận tải trong các khu du lịch.

## **II. Quan điểm phát triển DLST tại VQG Phú Quốc.**

### **2.1. Quan điểm về phát triển DLST bền vững.**

1. Gắn phát triển DLST ở VQG với quy hoạch phát triển du lịch chung của huyện Phú Quốc.
2. Khai thác có hiệu quả trên quan điểm bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên phục vụ DLST về rừng, biển và văn hóa.
3. Bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái, ít gây ảnh hưởng tới tài nguyên thiên nhiên của VQG.
4. Thu hút sự tham gia của các cá nhân, cộng đồng, khách DLST, các nhà tổ chức du lịch và các cơ quan tổ chức của Nhà nước có liên quan.
5. Tôn trọng văn hoá và truyền thống địa phương.
6. Tạo thu nhập lâu dài và bình đẳng cho cộng đồng địa phương và cho các bên tham gia khác, bao gồm cả những nhà tổ chức du lịch, điều hành tour tư nhân.
7. Tạo nguồn tài chính cho công tác bảo tồn của VQG.
8. Giáo dục những người tham gia các hoạt động DLST về vai trò của họ trong công tác bảo tồn.

### **2.2. Quan điểm về tổ chức không gian du lịch, loại hình và sản phẩm du lịch.**

- a) Du lịch sinh thái là một trong những hoạt động của Vườn quốc gia Phú Quốc mà lợi ích do nó mang lại sẽ thỏa mãn theo thứ tự ưu tiên : cho bảo tồn thiên nhiên, cho bảo vệ môi trường và kinh tế. Hoạt động phát triển du lịch sinh thái phải tuân thủ các luật pháp và chính sách của nhà nước trong lĩnh vực lâm nghiệp, theo quy chế quản lý rừng đặc dụng và các quy định trong Luật bảo vệ và phát triển rừng 2004, Luật Du lịch 2005, Luật đất đai 2003, Luật Xây Dựng 2004.
- b) Du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Phú Quốc phải hài hòa và gắn kết với chương trình du lịch của huyện Phú Quốc và của tỉnh Kiên Giang và được đặt vào quy hoạch phát triển du lịch của tỉnh trong giai đoạn 2005-2010 tầm nhìn 2020.

- c) Các loại hình du lịch và sản phẩm du lịch được bố trí sẽ không gây tác động tiêu cực đối với tài nguyên thiên nhiên và các hệ sinh thái tự nhiên của Vườn quốc gia Phú Quốc, và tuân theo các quy định của địa phương về đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng huyện đảo biên giới.
- d) Tập trung phát triển những dịch vụ du lịch theo quan điểm gắn kết với cảnh quan thiên nhiên. Các mô hình thiết kế xây dựng phải thân thiện với môi trường, không phá vỡ cảnh quan chung, mang tính chất kế thừa và chọn lọc những nét văn hóa bản địa, tập quán của địa phương, có tính giáo dục cao về môi trường và bảo đảm phát triển bền vững.

### 2.3. Quan điểm về chủ thể phát triển du lịch (các bên có liên quan).

Nhằm bảo đảm phát triển DLST bền vững, ngoài BQL Vườn là đơn vị quản lý trực tiếp, còn có các thành phần kinh tế khác tham gia nhằm tạo sự đa dạng trong dịch vụ, tham gia trong quá trình lập và thực thi quy hoạch, kế hoạch, xây dựng dự án; giải quyết vấn đề vốn đầu tư, nguồn lực và các vấn đề có liên quan khác. Các thành phần tham gia bao gồm:

- Công ty DLST Nhà nước (Tổ chức Tour, Công ty lữ hành...)
- Công ty DLST tư nhân, liên doanh, liên kết trong và ngoài nước.
- Tập thể /Cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch.
- Cộng đồng địa phương.

## **III. Mục tiêu phát triển DLST ở VQG Phú Quốc giai đoạn 2006-2015.**

### **3.1. Mục tiêu bảo tồn và về sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên DLST.**

Bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ tốt hơn các nguồn tài nguyên, duy trì và nâng cao giá trị của các hệ sinh thái. Bảo vệ môi trường.

Khai thác tốt tiềm năng và giá trị tài nguyên của VQG bao gồm cảnh quan tự nhiên, đa dạng sinh học, môi trường, văn hoá - lịch sử để phát triển DLST nhằm góp phần thực hiện chiến lược phát triển du lịch của tỉnh Kiên Giang, của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

### **3.2. Mục tiêu về kinh tế.**

Tạo ra lợi ích kinh tế góp phần vào sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương bằng việc tạo cơ hội có việc làm, tăng thu nhập, cơ hội kinh doanh, mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương (bao gồm các nhà kinh doanh DLST, dân địa phương, nhân viên VQG trực tiếp tham gia vào dịch vụ DLST và làm công tác quản lý, bảo vệ VQG).

Thông qua các dịch vụ DLST, tạo kinh phí phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng và tôn tạo các nguồn tài nguyên trong VQG.

### **3.3. Mục tiêu về xã hội.**

Tạo điều kiện chia sẻ lợi ích của DLST một cách bình đẳng cho các cộng đồng địa phương nhất là trong vùng đệm của VQG, và các bên có liên quan tham gia hoạt động du lịch.

Thông qua các hoạt động DLST để nâng cao ý thức về giá trị của các nguồn tài nguyên thiên nhiên của VQG, ý thức về bảo vệ và phát triển rừng, về bảo tồn thiên nhiên cho cộng đồng địa phương và cả khách du lịch.

## **IV. Định hướng phát triển DLST ở VQG Phú Quốc đến năm 2015.**

### **4.1. Định hướng chung**

- Nhằm phát huy tốt giá trị tiềm năng tài nguyên du lịch sẵn có, việc phát triển DLST ở VQG Phú Quốc ở cả hai phạm vi trên bờ và trong lòng biển ven bờ. Trên bờ là nơi bảo tồn các hệ sinh thái động, thực vật trên cạn của VQG, trong lòng biển ven bờ sẽ là những khu bảo vệ và tham quan hệ thực, động vật thủy sinh nhiệt đới điển hình.

- Quy hoạch không gian phát triển du lịch trên phạm vi VQG theo các chủ đề riêng cho từng khu vực, nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, tạo sức hút và hấp dẫn khách du lịch. Các sản phẩm du lịch tập trung vào các khu vực có chủ đề như Khu nghiên cứu về rừng- biển, khu khám phá và sưu tầm rừng nhiệt đới hải đảo, chụp ảnh nghệ thuật phong cảnh.

- Các loại hình DLST ở VQG sẽ được tổ chức một cách đồng bộ giữa chất lượng sản phẩm, dịch vụ chăm sóc khách hàng, hướng dẫn và quảng bá du lịch mang tính đặc trưng riêng của Vườn nhằm thỏa mãn các nhu cầu của khách và phát triển bền vững.

- Trước mắt chọn lọc và xây dựng các điểm tuyến mẫu vừa đáp ứng được các yêu cầu của DLST bền vững vừa đáp ứng được các nhu cầu của khách DLST thực thụ cũng như khách du lịch phổ thông. Từng bước mở rộng loại hình, sản phẩm DLST để thu hút khách từ các thành phố lớn trong nước và khu vực cũng như quốc tế.

### **4.2. Định hướng, tổ chức không gian DLST.**

- Căn cứ vào các quy định hiện hành về phát triển du lịch và du lịch sinh thái trong VQG (Quy chế quản lý rừng đặc dụng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Luật bảo vệ và phát triển rừng 2004, Luật Du lịch 2005, Luật Đất đai 2003);
- Căn cứ vào hiện trạng, đặc điểm các nguồn tài nguyên động, thực vật, cảnh quan và môi trường của VQG;
- Căn cứ vào các nguyên tắc phát triển du lịch và DLST bền vững;

- Căn cứ các văn bản phê duyệt thành lập, đầu tư VQG Phú Quốc; Định hướng phát triển du lịch của huyện Phú Quốc và tỉnh Kiên Giang đến năm 2010.

Hoạt động DLST của VQG Phú Quốc được tổ chức theo các phân khu chức năng (ngoài phân khu bảo vệ nghiêm ngặt), hình thành các khu vực du lịch tập trung và du lịch theo tuyến. Bao gồm :

**a) Khu vực du lịch tập trung:**

Gồm 3 khu vực, 1 khu vực thuộc Phân khu Hành chính- dịch vụ và nghiên cứu khoa học, 2 khu vực trên vùng phục hồi sinh thái I, II:

- *Khu vực thuộc Phân khu Hành chính- dịch vụ và nghiên cứu khoa học:* Ngoài chức năng là nơi làm việc của Ban quản lý VQG Phú Quốc còn tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và dịch vụ du lịch, bao gồm : (1) Xây dựng trung tâm điều hành và đón tiếp khách du lịch, trung tâm diễn giải môi trường, giới thiệu về VQG. (2) Nơi thực hiện các nghiên cứu khoa học, bảo tồn ngoại vi các nguồn gen động, thực vật quý hiếm. (3) Xây dựng vườn sưu tập động thực vật đặc trưng và quý hiếm, tiêu biểu cho một Phú Quốc thu nhỏ. (4) Nơi kết hợp tổ chức các hoạt động DLST như đi bộ ngắm cảnh quan thiên nhiên, tham quan các nghiên cứu sinh thái động thực vật rừng, du lịch leo núi, cắm trại, nghỉ dưỡng...
- *Khu vực Cửa Cạn- Gành Dầu:* Nằm trong phân khu phục hồi sinh thái, thuộc xã Cửa Cạn và Gành Dầu, lấy khu vực Mũi Móng Tay làm trung tâm. Nơi sẽ tổ chức các hoạt động du lịch như: Nghiên cứu biển, tham quan công viên rừng lá rộng nhiệt đới phục hồi, rừng tràm, rừng ngập mặn ven biển, vườn sưu tập phong lan và cây cảnh, khu phục hồi động vật hoang dã, nghỉ dưỡng, cắm trại trong rừng, ẩm thực mua sắm, vui chơi.
- *Khu vực Rạch Tràm- Bãi Thơm :* Nằm trong phân khu phục hồi sinh thái, thuộc xã Rạch Tràm và xã Bãi Thơm, lấy khu vực Hòn Một làm trung tâm. Nơi sẽ tổ chức các hoạt động du lịch như: Tham quan khu bảo tồn động vật hoang dã trên cạn và dưới biển, công viên rừng nhiệt đới, khu làng văn hoá - làng nghề xây dựng dưới hình thức du lịch cộng đồng, nghỉ dưỡng, cắm trại trong rừng, ẩm thực mua sắm, vui chơi.

**b) Khu vực tổ chức du lịch theo tuyến:**

Tổ chức thành 3 khu vực trên phân khu phục hồi sinh thái phục vụ du lịch sinh thái dưới tán rừng:

- *Khu vực Xóm Mới - Rạch Tràm :* Khu vực có khá đa dạng về cảnh quan như rừng tràm, truong Nhum, rừng Sao Dầu trên đất thấp, trên sườn núi ít bị tác động và hệ thống đường bảo vệ rừng hiện có khá phong phú. Do đó, khu vực

rất thích hợp cho việc tổ chức các hoạt động du lịch dã ngoại bằng xe đạp, xe ngựa, xe bò, du lịch xem cảnh quan rừng, cắm trại và leo núi Hàm Rồng, Núi Chúa.

- *Khu vực Cửa Cạn- Gành Dầu* : Thuộc các xã Gành Dầu, xã Cửa Cạn. Khu vực có địa hình lượn sóng chuyển tiếp từ biển lên vùng đồi núi, độ dốc thấp, thảm thực vật chủ yếu là rừng Sao Dầu phục hồi. Lợi dụng hệ thống đường bảo vệ rừng hiện có tổ chức các hoạt động du lịch dã ngoại bằng xe đạp leo núi Gành Dầu, cắm trại và xem cảnh quan rừng nhiệt đới ven biển, xem động vật rừng về đêm... dọc theo các đường bảo vệ rừng đã có.
- *Khu vực sườn đông dãy núi Hàm Ninh (từ chân Núi Chúa đến mũi Đá Bạc)*: Khu vực này thuộc phần sườn phía Đông của dãy núi Hàm Ninh kéo dài từ Núi Chúa đến núi Đá Bạc. Đây là khu vực có địa hình cao nhất của VQG Phú Quốc và huyện Phú Quốc, nơi có địa hình phức tạp, có nhiều vách hiểm trở, vách đá dựng đứng, nhiều khe suối, vách đá lởm chởm. Ngoài ra, trên sườn núi là rừng cây họ Dầu còn khá nguyên vẹn. Do đặc trưng của địa hình và thảm thực vật nêu trên và hệ thống đường bảo vệ rừng hiện có, nơi đây rất thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động du lịch dã ngoại, du lịch thể thao, leo núi, du lịch mạo hiểm, vượt thác, tắm suối, cắm trại, xem cảnh quan rừng.

#### 4.3. Định hướng phát triển các loại hình du lịch.

VQG Phú Quốc có thể phát triển các loại hình du lịch sinh thái như sau :

a/- Du lịch nghỉ ngơi, thư giãn kết hợp nghiên cứu khoa học

Tham gia loại hình du lịch này du khách có thể :

- Tham quan các sinh cảnh rừng nhiệt đới,
- Nghe giới thiệu tổng quát về tài nguyên thực vật và động vật rừng,
- Thăm các phân khu chức năng của VQG Phú Quốc,
- Thăm vườn thực vật của đảo Phú Quốc.
- Thăm khu bảo tồn động vật hoang dã trên cạn và dưới nước,
- Nghe giới thiệu về các hoạt động mà VQG Phú Quốc đã, đang và sẽ làm,
- Nghe trình bày những cơ hội và những triển vọng hợp tác nghiên cứu trong lĩnh vực bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

b/- Du lịch thể thao

Tham gia loại hình du lịch này du khách có thể :

- Leo núi,
- Đi xe ngựa, xe bò xem rừng,
- Đi xe đạp xuyên rừng,
- Đi xe đạp vòng quanh biển,



- Lặn xem san hô,
- Đi bộ ngắm cảnh thiên nhiên.

c/- Du lịch cắm trại

Kết hợp với các hoạt động tuyên truyền giáo dục về bảo vệ thiên nhiên và môi trường, giáo dục truyền thống lịch sử và văn hóa, như :

- Cắm trại trong rừng,
- Nghe giới thiệu về các loài động vật và thực vật rừng quý hiếm,
- Nghe giới thiệu về các hoạt động bảo tồn thiên nhiên,
- Nghe giới thiệu về truyền thống lịch sử và văn hóa của huyện Phú Quốc,
- Tham quan các di tích lịch sử cách mạng.

d/- Du lịch nghỉ ngơi cuối tuần, trong dịp tuần trăng mật và các dịp lễ hội

- Du khách có thể nghỉ ngơi cuối tuần bằng một tour du lịch ngắn đến với VQG Phú Quốc để hòa mình với thiên nhiên, tạo một sự thư giãn và thoải mái.
- Du khách có thể thưởng thức tuần trăng mật ở những căn nhà trệt (bungalow) để thưởng thức sự thú vị của thiên nhiên hoang dã và yên tĩnh trong những ngày đẹp nhất của cuộc đời.
- Vào các dịp lễ hội, du khách có thể tổ chức thành nhóm cùng gia đình và bạn bè tham gia các loại hình du lịch sinh thái ở VQG Phú Quốc như nêu trên.

e/- Du lịch lữ hành quốc tế

- Du khách có thể đi bằng tàu biển cập cảng Phú Quốc để thăm Vườn quốc gia Phú Quốc, sau đó đi thăm Khu bảo tồn sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ (TP.Hồ Chí Minh) và cuối cùng đi thăm Vườn quốc gia Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu); hoặc
- Du khách có thể đến TP. Hồ Chí Minh bằng máy bay, đi thăm Khu bảo tồn sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ, sau đó đi thăm VQG Phú Quốc và VQG Côn Đảo bằng máy bay.

**4.4. Xây dựng VQG Phú Quốc thành điểm DLST bền vững trong hệ thống tuyến, điểm du lịch của đảo Phú Quốc, của tỉnh Kiên Giang và cả nước.**

Theo Đề án quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc đến năm 2020 đã được phê duyệt, sẽ có 12 khu du lịch biển có quy mô lớn, chất lượng cao được thành lập (có chiều dài bãi biển > 1 km) và một số khu du lịch có quy mô vừa và nhỏ trên các bãi biển ngắn hơn. Các khu du lịch quy mô lớn bao gồm:

- (1) Khu DL Bãi Trường (Xã Dương Tơ)

- (2) Khu DL Bãi sao (TT An Thới)
- (3) Khu DL Bãi Khem (TT An Thới)
- (4) Khu DL Bãi Đất Đỏ (TT An Thới)
- (5) Khu DL Bãi Bà Kèo- Cửa Lấp (TT Dương Đông)
- (6) Khu DL Bãi Vòng (Xã Hàm Ninh)
- (7) Khu DL Bãi Cửa Cạn (Xã Cửa Cạn)
- (8) Khu DL Bãi Vũng Bàu (Xã Cửa Cạn)
- (9) Khu DL Bãi Dài (Xã Gành Dầu)
- (10) Khu DL Bãi Rạch Vẹm (Xã Gành Dầu)
- (11) Khu DL Bãi Rạch Tràm (Xã Bãi Thơm)
- (12) Khu DL Bãi Thơm (Xã Bãi Thơm)

Ngoài ra, còn có các bãi nhỏ (có chiều dài bãi biển < 1 km), sẽ được xây dựng thành các cụm du lịch sinh thái biển có quy mô vừa và nhỏ thuộc các xã An Thới, Dương Tơ, Hàm Ninh, Cửa Dương, Gành Dầu, Bãi Thơm, Hòn Thơm).

Những thuận lợi cơ bản về phát triển DLST của VQG bao gồm cự ly đến các khu du lịch lớn của huyện không xa (< 50 km), hệ thống giao thông và điều kiện tiếp cận khá thuận lợi trước mắt và lâu dài, có nhiều tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của nhiều đối tượng khách du lịch.

Do đó, các khu DLST của VQG sẽ được xây dựng để phối, kết hợp với hệ thống các khu du lịch nêu trên như là một điểm du lịch trong các tour trọn gói và mang tính chất là khu DLST thực sự theo đúng nghĩa của loại hình du lịch này.

**Bảng 15 : Quy mô và tính chất các khu du lịch quy hoạch đến năm 2020.**

Khu du lịch	Xã/Thị trấn	Chiều dài bãi biển (km)	Tính chất khu du lịch
<b>a) Quy mô lớn</b>			
1. Bãi Trường	Dương Tơ	11-12	Khu du lịch hỗn hợp gồm DLST, du lịch tập trung. Là 1 trong 2 trung tâm du lịch cho toàn đảo.
2. Bãi sao	An Thới	2	Khu du lịch hỗn hợp gồm DLST chất lượng cao kết hợp một phần du lịch tập trung với các dịch vụ cộng đồng.
3. Bãi Khem	An Thới	3,5	Khu du lịch hỗn hợp gồm DLST chất lượng cao kết hợp một phần du lịch tập trung với các dịch vụ cộng đồng.
4. Bãi Đất Đỏ	An Thới	1,2	Khu du lịch hỗn hợp gồm du lịch

Khu du lịch	Xã/Thị trấn	Chiều dài bãi biển (km)	Tính chất khu du lịch
			kết hợp cảng du lịch và bến đánh bắt hải sản của ngư dân ấp 6 An Thới.
5. Bãi Bà Kèo- Cửa Lấp	Dương Đông	4	Khu DLST chất lượng cao
6. Bãi Vòng	Hàm Ninh	7	Khu du lịch hỗn hợp gồm du lịch kết hợp cảng du lịch và bến đánh bắt hải sản của ngư dân ấp Bãi Vòng.
7. Bãi Cửa Cạn	Cửa Cạn	3	Khu DLST chất lượng cao, sân Golf và các dịch vụ du lịch biển
8. Bãi Vũng Bàu	Cửa Cạn	4	Khu DLST chất lượng cao
9. Bãi Dài	Gành Dầu	6	Khu DLST chất lượng cao, sân Golf và các dịch vụ du lịch khác.
10. Bãi Rạch Vẹm	Gành Dầu	4	Khu DLST chất lượng cao — khu dân cư làng chài ấp Rạch Vẹm
11. Bãi Rạch Tràm	Bãi Thơm	2,5	Khu DLST chất lượng cao — khu dân cư làng chài ấp Rạch Tràm
12. Bãi Thơm	Bãi Thơm	2	Khu DLST và hoạt động dịch vụ cho thanh thiếu niên.
<b>b) Quy mô nhỏ</b>			
1. Bãi mũi An Yến	An Thới		Khu DLST
2. Bãi Xếp	An Thới		Khu DLST
3. Bãi từ mũi đất Đỏ->mũi Xếp	An Thới		Khu DLST
4. Bãi từ mũi Xếp-> mũi Tàu Rủ	An Thới		Khu DLST
5. Bãi Đá Trãi	Dương Tơ		Khu DLST
6. Bãi từ mũi Đá Trói->mũi Đền	Dương Tơ		Khu DLST
7. Bãi mũi Hang Rắn	Hàm Ninh		Khu DLST
8. Bãi thuộc ấp Cây Sao -> ấp Bãi Bồn	Hàm Ninh		Khu DLST
9. Bãi ven ấp Ông Lang	Cửa Dương		Khu DLST
10. Bãi nhỏ khác	Gành Dầu, Bãi Thơm		Khu DLST
11. Bãi Hòn Thơm	Hòn Thơm		Khu DLST với các cơ sở dịch vụ nhỏ (Tham quan đảo nhỏ, lặn biển, tham quan nghiên cứu các rạn san

Khu du lịch	Xã/Thị trấn	Chiều dài bãi biển (km)	Tính chất khu du lịch
			hồ, câu cá, câu mực...)

Nguồn: Phân viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn Miền Nam, 2005.

## V. Những giải pháp chủ yếu để thực hiện chiến lược

### 5.1. Giải pháp về quản lý và tổ chức các hoạt động DLST.

- Hoạt động du lịch sinh thái ở VQG Phú Quốc tiến hành trong phạm vi đất đai của Vườn được Thủ Tướng Chính phủ quy định trong Quyết định thành lập.
- UBND tỉnh Kiên Giang phê duyệt Chiến lược phát triển DLST, trong đó quy định Ban quản lý VQG có chức năng tổ chức các hoạt động DLST theo quy định của pháp luật và theo các dự án đầu tư DLST được duyệt.
- Các đơn vị và cá nhân khi tham gia hoạt động du lịch sinh thái ở VQG Phú Quốc sẽ hoạt động dưới hình thức liên doanh liên kết và cùng chia sẻ lợi ích kinh tế từ kết quả của hoạt động này.
- Thành lập Ban Điều hành DLST VQG Phú Quốc (còn gọi là Ban Khai thác kinh doanh du lịch sinh thái VQG Phú Quốc), do Phó chủ tịch huyện Phú Quốc làm trưởng ban, giám đốc VQG làm phó trưởng ban thường trực, các thành viên khác bao gồm Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Du lịch, Chi cục kiểm lâm, Công an huyện Phú quốc, Huyện đội huyện Phú Quốc, Các đơn vị kinh doanh du lịch trên đảo và liên quan, BQL dự án vùng đệm, Chính quyền địa phương các xã có ranh giới liên quan VQG. Chức năng của ban này là soạn thảo các nội dung, chính sách khuyến khích đầu tư, khai thác phát triển du lịch sinh thái ở VQG Phú Quốc; Giám sát việc tổ chức, quản lý, đầu tư và kinh doanh DLST theo luật pháp, theo quy hoạch, theo chủ trương của huyện, tỉnh và ngành du lịch tỉnh Kiên Giang; Kiến nghị xử lý những hành vi, hoạt động vi phạm các quy định; Điều hòa các nguồn lợi thu được từ DLST, liên kết các tour du lịch, các dịch vụ du lịch; Giám sát các hoạt động tuyên truyền, quảng cáo du lịch.
- VQG thành lập Trung tâm du lịch sinh thái và Giáo dục môi trường trực thuộc Ban Giám đốc VQG để điều hành các hoạt động DLST trong phạm vi VQG. Trung tâm du lịch sinh thái và Giáo dục môi trường có các chức năng như sau:
  - + Điều phối các hoạt động DLST tiến hành trong phạm vi VQG.
  - + Lập quy hoạch và kế hoạch hoạt động DLST.
  - + Xây dựng nội quy hoạt động DLST.
  - + Tổ chức các hoạt động DLST do VQG trực tiếp thực hiện.

- + Làm đầu mối quan hệ với Sở TM-DL, Sở NN và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan khác về nội dung hoạt động du lịch ở VQG.
- Hoạt động du lịch sinh thái ở VQG phải tuân theo các quy định của UBND huyện Phú Quốc về an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội và các quy định khác áp dụng trên địa bàn huyện. UBND huyện Phú Quốc sẽ chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với VQG để tạo điều kiện cho hoạt động du lịch sinh thái của VQG được thực thi tốt và có hiệu quả.
- Hoạt động du lịch sinh thái của VQG chịu sự quản lý nhà nước về du lịch của Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang. Sở Du lịch tỉnh Kiên Giang cũng có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp với VQG để thực hiện tốt trách nhiệm quản lý nhà nước và tạo điều kiện cho hoạt động du lịch sinh thái của Vườn triển khai tốt và có hiệu quả, như một đóng góp cho việc thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Kiên Giang mà Sở Du lịch là cơ quan chủ trì.
- Hoạt động du lịch sinh thái của VQG cũng chịu sự chỉ đạo, giám sát và giúp đỡ của Sở Nông Nghiệp và PTNT, Chi cục Kiểm Lâm và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh khác theo chức năng của các cơ quan này.
- Sự tham gia của cộng đồng dân cư là một trong những đặc trưng của du lịch sinh thái. Người dân địa phương, nhất là dân ở vùng đệm VQG, có thể tham gia hoạt động du lịch sinh thái ở VQG thông qua các dịch vụ như : cho du khách thuê chỗ ở tại nhà, cho thuê các phương tiện đi lại thô sơ, cung cấp các dịch vụ nấu ăn, giặt ủi,...Mục đích của việc làm này là tạo cho những người dân địa phương, trước hết là những người sống trong phạm vi VQG Phú Quốc hoặc trong vùng đệm của VQG tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái (có nghĩa là họ đã tham gia vào việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên) và họ sẽ được hưởng lợi ích kinh tế từ các dịch vụ du lịch sinh thái mà họ tham gia.

## **5.2. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực.**

- Ngoài những tiềm năng tự nhiên sẵn có, muốn phát triển hoạt động du lịch sinh thái thì phải có con người biết làm du lịch. Do đó việc đào tạo tay nghề và kỹ năng làm du lịch cho CBCNV của VQG là rất quan trọng.
- Nội dung đào tạo bao gồm : Đào tạo về quản lý du lịch; Đào tạo hướng dẫn viên du lịch; Đào tạo kỹ năng sử dụng các thiết bị chuyên dùng cho du lịch; Đào tạo kỹ năng thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch sinh thái.
- Phương thức đào tạo: Dưới nhiều hình thức như đào tạo chính quy có liên quan chuyên ngành ở TP. Hồ Chí Minh, và các nơi khác (Đại học, Cao đẳng,

Trung cấp) hoặc các lớp tập huấn nghiệp vụ du lịch dài, ngắn ngày (tại chỗ hoặc ở các nơi khác tổ chức trong và ngoài nước). Kinh phí đào tạo tranh thủ từ các nguồn: Ngân sách nhà nước, tiền thu được từ các dịch vụ DLST, kinh phí hỗ trợ của các tổ chức quốc tế (như WWF, IUCN, CARE, WAR, ADB,..v.v).

### **5.3. Giải pháp về cơ sở hạ tầng phục vụ DLST.**

- Trong giai đoạn 5 năm đầu (2006-2010), hoạt động du lịch sinh thái được triển khai như một hoạt động của VQG Phú Quốc, là giai đoạn tập dượt kỹ năng làm du lịch, chưa chú trọng đến mục đích kinh doanh.
- Tận dụng những tiềm năng sẵn có về tự nhiên và cơ sở hạ tầng, chủ yếu là nâng cấp, không xây dựng các công trình to lớn, hiện đại, tốn kém.
- Việc nâng cấp cơ sở hạ tầng và các dịch vụ, phương tiện kỹ thuật, trước hết và chủ yếu là phục vụ công tác bảo tồn thiên nhiên, du lịch sinh thái chỉ là mục đích kết hợp.

### **5.4. Giải pháp về tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị.**

- Trong tiềm thức của nhiều người, sự hiểu biết về rừng cấm hay rừng đặc dụng Phú Quốc trước đây và nay là Vườn quốc gia Phú Quốc còn ít. Do đó việc tuyên truyền, giới thiệu về VQG Phú Quốc là rất quan trọng.
- Nội dung cần tuyên truyền, giới thiệu là những tài nguyên động vật, thực vật rừng, tài nguyên sinh vật biển độc đáo, phong phú và đa dạng của VQG Phú Quốc, nhằm làm cho du khách, cả trong nước và quốc tế, và chính người dân địa phương, hiểu được những giá trị của VQG Phú Quốc ngoài sự nổi tiếng vốn có của Phú Quốc mà lâu nay mọi người vẫn biết về cảnh quan tự nhiên, tiêu, nước mắm và các loại thủy sản.
- Phương thức tuyên truyền có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, sự hợp tác thông tin quảng cáo của các cơ quan du lịch, các sách nhỏ (brochure), áp phích (broadsheet), bảng hiệu, phim video, tập ảnh, và thông qua các tổ chức quốc tế (như WWF, IUCN, CARE, WAR, ADB,..v.v).

### **5.5. Giải pháp về cơ chế chính sách.**

#### **- Cơ chế, chính sách về vốn.**

- Cần thiết lập chính sách huy động vốn từ nhiều phía để đầu tư cho việc xây dựng và tôn tạo các công trình, địa điểm du lịch, hạ tầng du lịch đặc biệt là hạ tầng trong các khu du lịch sinh thái.
- Có chính sách đầu tư, khuyến khích những dự án phát triển mang tính bền vững và sự tham gia rộng rãi của cộng đồng địa phương, các nhà đầu tư du lịch trong

và ngoài tỉnh Kiên Giang cũng như quốc tế. Các chính sách cần quy định rõ việc sử dụng đất và quản lý nghiêm ngặt quy hoạch, kiến trúc, các hạng mục công trình.

- Xây dựng và ban hành quy chế kinh doanh DLST ở VQG Phú Quốc.
  - Xây dựng chính sách thuế và giá cho thuê môi trường phù hợp với từng vùng, từng địa điểm xây dựng dự án DLST, theo các điều kiện tiếp cận và mức độ phức tạp trong mở mang xây dựng.
  - Cần tổ chức hàng loạt các chính sách và dịch vụ khuyến khích đầu tư như hỗ trợ thông tin, kiến thức cho các doanh nghiệp nhằm tạo sự thuận lợi trong việc đầu tư, kinh doanh.
- **Chính sách thị trường, thương mại.**
- Cần đầu tư cho những nghiên cứu chuyên đề về thị trường DLST để xác định rõ yếu tố “cầu” đối với loại hình du lịch này. Đây là cơ sở vững chắc cho các kế hoạch phát triển một cách bền vững, có hiệu quả cả về kinh tế lẫn xã hội.
  - Đầu tư thỏa đáng cho công tác xúc tiến quảng bá DLST, góp phần tạo thị trường đối với loại hình du lịch hấp dẫn này.

#### **5.6. Giải pháp về quy hoạch.**

- Trên cơ sở định hướng quy hoạch không gian các khu DLST và hệ thống tuyến điểm du lịch, tiến hành quy hoạch chi tiết làm cơ sở cho các dự án đầu tư, bảo đảm sự phát triển bền vững ở những khu vực này.
- Trong quy hoạch, xây dựng các khu DLST, nên tiến hành theo từng khu vực tập trung, và ưu tiên nơi thuận tiện, có đủ điều kiện, tránh chia ra nhiều dự án mang tính manh mún, phân tán nhằm tạo điều kiện hợp tác tạo ra đa dạng sản phẩm dịch vụ thỏa mãn nhiều nhất nhu cầu của khách du lịch.
- Trong quá trình quy hoạch chi tiết, lập các dự án khả thi, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa chuyên gia quy hoạch du lịch với các chuyên gia ở những lĩnh vực liên quan, với BQL VQG, với chính quyền và cộng đồng địa phương.
- Ngoài ra, việc hợp tác với các chuyên gia quốc tế có kinh nghiệm trong lĩnh vực này là rất cần thiết trong điều kiện kinh nghiệm phát triển DLST trong các VQG ở nước ta còn rất mới (theo đúng nghĩa của nó) để bảo đảm tính khả thi của các dự án.

#### **VI. Các chương trình, dự án ưu tiên.**

##### **1) Chương trình phát triển hạ tầng cơ sở du lịch sinh thái VQG Phú Quốc.**

###### **a) Mục tiêu:**

Xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch phục vụ DLST ở các khu du lịch thuộc VQG.ứ

###### **b) Nội dung hoạt động:**

- Xây dựng hệ thống các cơ sở lưu trú và công trình dịch vụ du lịch và các công trình phụ trợ.
- Xây dựng hệ thống các công trình vui chơi giải trí.
- Xây dựng hệ thống đường mòn diễn giải.
- Xây dựng Trung tâm Du lịch sinh thái và Giáo dục môi trường.
- Xây dựng hệ thống an ninh và an toàn du lịch.

## **2) Chương trình đào tạo nguồn lực và nghiên cứu ứng dụng khoa học- công nghệ phục vụ DLST.**

### **a) Mục tiêu:**

- Đáp ứng mục tiêu và yêu cầu của hoạt động DLST trước mắt và lâu dài.
- Tạo đội ngũ quản lý, hướng dẫn viên du lịch sinh thái có kiến thức, trình độ nghiệp vụ về hoạt động du lịch sinh thái, đồng thời là nòng cốt cho việc phát triển nguồn lực trong những giai đoạn tiếp theo.

### **b) Nội dung:**

- *Đào tạo về quản lý du lịch:*
  - + Quản lý nhà nước trong hoạt động du lịch.
  - + Các chủ trương, chính sách của trung ương và địa phương có liên quan đến hoạt động DLST ở VQG.
  - + Mục tiêu, nội dung và chương trình DLST ở VQG.
  - + Các kinh nghiệm và kiến thức về tổ chức hoạt động du lịch và quản lý khách.
- *Đào tạo hướng dẫn viên du lịch:*
  - + Các kỹ năng giao tiếp và phục vụ khách du lịch.
  - + Các nội dung hướng dẫn du khách.
  - + Các nội dung về tuyên truyền, diễn giải về giáo dục môi trường và bảo tồn các cảnh quan tự nhiên, đa dạng sinh học, các di tích văn hoá - lịch sử.
  - + Tổ chức du lịch có sự tham gia của cộng đồng.
  - + Đào tạo ngoại ngữ giao tiếp.
- *Đào tạo cách sử dụng các thiết bị chuyên dùng cho du lịch:*
  - + Cách sử dụng các phương tiện vận chuyển, phục vụ du lịch.
  - + Đào tạo cách bảo đảm an ninh, an toàn cho khách, các biện pháp cấp cứu, sơ cứu người bị nạn.
- *Đào tạo các hộ gia đình về kiến thức tổ chức du lịch sinh thái theo mô hình phát triển cộng đồng:*
  - + Các kỹ năng về tổ chức và quản lý du lịch theo mô hình phát triển du lịch cộng đồng.
  - + Những kiến thức để tạo ra các sản phẩm du lịch từ các sản phẩm sản xuất trên đất được giao khoán bảo vệ, phục hồi rừng.
  - + Quy hoạch bố trí sản xuất trên đất được giao khoán bảo vệ, phục hồi rừng.



### **3) Chương trình quy hoạch chi tiết các khu du lịch**

#### **a) Mục tiêu:**

Quy hoạch chi tiết các hạng mục đầu tư phát triển du lịch sinh thái ở khu du lịch trung tâm, khu du lịch Mũi Móng Tay và Hòn Một thành khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng đáp ứng các nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học, giải trí... quản lý bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, xây dựng phát triển rừng.

#### **b) Nội dung hoạt động:**

- Quy hoạch chi tiết các hạng mục đầu tư xây dựng và phát triển DLST ở 3 khu DLST (Quy hoạch hệ thống các tuyến, điểm tham quan, du lịch, học tập nghiên cứu; Quy hoạch các công trình kiến trúc, dịch vụ du lịch, các khu nghỉ dưỡng...; Quy hoạch chi tiết hệ thống cơ sở hạ tầng; Quy hoạch hệ thống phòng cháy, chữa cháy...).
- Xây dựng thuyết minh và bản đồ quy hoạch chi tiết khu DLST (Thuyết minh quy hoạch chi tiết khu DLST; Đánh giá tác động môi trường; Dự toán kinh phí đầu tư và phân kỳ đầu tư cho các hạng mục phát triển DLST; Giải pháp tổ chức thực hiện).
- Xây dựng các loại bản đồ quy hoạch chi tiết và các bảng vẽ cho các Khu du lịch (Bản đồ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500-1/5000).

### **4) Chương trình quảng bá, tiếp thị**

#### **a) Mục tiêu:**

Giới thiệu về các chương trình hoạt động DLST ở VQG nhằm thu hút khách du lịch và tìm kiếm sự đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân vào đầu tư phát triển DLST.

#### **b) Nội dung hoạt động:**

- Giới thiệu về tiềm năng phát triển DLST ở VQG.
- Giới thiệu các loại hình và các sản phẩm DLST.
- Những hướng dẫn về hợp tác đầu tư để phát triển DLST.
- Những chính sách ưu tiên và đầu tư phát triển DLST.

### **5) Chương trình hỗ trợ cộng đồng tham gia các hoạt động DLST của VQG.**

#### **a) Mục tiêu:**

Thu hút cộng đồng dân cư vùng đệm VQG tham gia các hoạt động DLST nhằm tăng thu nhập, nâng cao đời sống, duy trì các hoạt động phát triển DLST bền vững, giảm sức ép tác động vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên VQG.

#### **b) Nội dung hoạt động:**

- Xây dựng năng lực, hỗ trợ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm tổ chức, tham gia các hoạt động DLST.
- Xây dựng cơ chế phù hợp trong giao, khoán quản lý bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên kết hợp khai thác DLST.
- Cơ chế phân phối lợi ích phù hợp từ các hoạt động, dịch vụ DLST.
- Hỗ trợ vốn đầu tư thông qua các hình thức phù hợp theo các nguồn vốn.
- Tạo các mô hình thử nghiệm trong việc khai thác bền vững tài nguyên thiên nhiên để phục vụ DLST.

## **VII. Hiệu quả.**

### **7.1. Về môi trường.**

Cộng đồng dân cư địa phương được tuyên truyền, giáo dục về ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ rừng, được tham gia các hoạt động dịch vụ du lịch làm cho cuộc sống được cải thiện và trách nhiệm bảo vệ rừng và các nguồn tài nguyên khác được nâng cao.

Các du khách sẽ được tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường.

### **7.2. Về kinh tế.**

Lợi ích kinh tế từ các hoạt động DLST sẽ góp phần vào việc trang trải các chi phí quản lý, bảo vệ các nguồn tài nguyên, nâng cao đời sống CBCNV tham gia công tác quản lý bảo vệ rừng và các dịch vụ du lịch, cộng đồng dân cư vùng đệm và kế cận, các chủ thể tham gia tổ chức hoạt động kinh doanh DLST trên địa bàn.

### **7.3. Về xã hội.**

Cộng đồng địa phương nhất là dân cư vùng đệm tham gia các dịch vụ du lịch sẽ có thêm việc làm, có thêm thu nhập. Khách du lịch sẽ gia tăng nhận thức về bảo tồn thiên nhiên, điều này có ý nghĩa lớn về mặt xã hội trong công tác bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

## **VIII. Trình tự bước đi.**

### **- Giai đoạn 2006-2010**

- 1) Hoàn thành công tác rà soát quy hoạch sử dụng đất, ổn định ranh giới VQG căn cứ vào Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc — tỉnh Kiên Giang thực hiện theo Quyết định 178/2004/QĐ-TTg ngày 05/10/2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án phát triển tổng thể đảo Phú Quốc tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 và tầm nhìn tới năm 2020”
- 2) Thành lập Trung tâm phát triển DLST và Giáo dục môi trường và Ban điều hành DLST của VQG.

- 3) Hoàn thành quy hoạch chi tiết các khu hành chính-dịch vụ và NCKH của VQG và các khu DLST Hòn Thom, Móng Tay. Cơ bản hoàn thành xây dựng khu Hành chính-dịch vụ và NCKH.
  - 4) Đào tạo đội ngũ quản lý trực tiếp về DLST, đào tạo hướng dẫn viên DLST (bao gồm nhân viên VQG và người dân địa phương có tham gia vào các hoạt động DLST). Phương thức đào tạo bao gồm đào tạo chính quy và đào tạo lại thông qua các lớp tập huấn ngắn, dài ngày.
  - 5) Phát triển hạ tầng cơ sở thể hiện tính thân thiện, hài hòa với cảnh quan, môi trường.
  - 6) Xúc tiến quảng bá DLST rộng rãi tạo thị trường hoạt động cho loại hình du lịch hấp dẫn này của VQG.
  - 7) Bước đầu khai thác các dịch vụ DLST ở VQG.
- **Giai đoạn 2011-2015**
- 1) Hoàn chỉnh hạ tầng cơ sở DLST của VQG.
  - 2) Hoàn thiện khung cơ chế chính sách để khai thác tốt nhất tiềm năng DLST, tạo môi trường thuận lợi có tính khuyến khích, để mọi thành phần kinh tế có thể đầu tư phát triển các khu DLST tại VQG.
  - 3) Hoàn thành việc đào tạo và tiếp tục xúc tiến quảng bá DLST rộng rãi tạo ra nhiều thị trường mới.
  - 4) Đưa các dịch vụ DLST ở VQG vào hoạt động chính thức.

#### **Phần IV: Kết luận và kiến nghị.**

Phát triển DLST ở VQG Phú Quốc gần như mới bắt đầu. Để đáp ứng các yêu cầu cơ bản để phát triển DLST bền vững (bảo vệ tốt môi trường và duy trì các hệ sinh thái, bảo đảm tính giáo dục, nâng cao được hiểu biết cho khách DLST, phù hợp sức chứa của khu du lịch, thoả mãn nhu cầu nâng cao hiểu biết của khách...) cần phải tiến hành một cách đồng bộ, theo trình tự các nội dung như đã đề xuất. Các trình tự trong bản chiến lược phát triển DLST tại VQG này gồm:

- Chiến lược phát triển nhân sự: Quy hoạch đào tạo cán bộ quản lý DLST và nhân viên hướng dẫn DLST.
- Chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường bao gồm việc tận dụng các tuyến đường, đường mòn hiện có không gây tổn hại đến tự nhiên, áp dụng năng lượng sạch và tái tạo được vào các hoạt động phục vụ.
- Bản quy hoạch các điểm DLST cụ thể mang tính phù hợp về phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và an ninh quốc phòng tại VQG Phú Quốc và huyện Phú Quốc.
- Cơ chế pháp lý được khai thông để triển khai bản chiến lược này theo từng bước.

- Khung thời gian hoàn thiện các bước trong chiến lược chung về phát triển DLST là 2006 - 2015

DLST ở VQG Phú Quốc mặc dù còn ở trong giai đoạn chuẩn bị, tuy nhiên có rất nhiều thuận lợi như: Sự đa dạng và phong phú các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Gần các trung tâm du lịch đảo Phú Quốc sẽ được xây dựng thành các khu du lịch sinh thái chất lượng cao; Có hệ thống giao thông thuận lợi; Dòng khách du lịch đa dạng và có chiều hướng ngày một tăng; Sự quan tâm trong các chính sách thu hút đầu tư, phát triển kinh tế-xã hội đối với Phú Quốc trước mắt và tương lai của Chính phủ, lãnh đạo tỉnh Kiên Giang và huyện đảo Phú Quốc.

Tiềm năng là rất lớn, tuy nhiên sự thành công của DLST ở VQG Phú Quốc còn phụ thuộc vào sự phối hợp giữa các bên liên quan, trong đó sự tham gia của cộng đồng địa phương là vô cùng quan trọng, nhất là sự tham gia của người dân địa phương, như là một công cụ để phát triển DLST và là một yếu tố tích cực cho bảo tồn và phát triển kinh tế-xã hội.,

Các kiến nghị:

- *Về tổ chức thực hiện chiến lược:*
  - + Sau khi được các bên liên quan thống nhất và các cấp thẩm quyền phê duyệt Chiến lược phát triển DLST ở VQG Phú Quốc cần được tạo điều kiện để nhanh chóng thực hiện nhằm đáp ứng được các nhu cầu du lịch của Phú Quốc và các nơi khác.
- *Về cơ chế quản lý:*

Thành lập Ban khai thác kinh doanh DLST VQG Phú Quốc để tổ chức, xúc tiến và điều hành các hoạt động DLST của Vườn. TT Du lịch sinh thái và Giáo dục môi trường VQG là một trong những đơn vị dịch vụ ưu tiên thành lập trong những năm trước mắt để trực tiếp triển khai các hoạt động DLST theo kế hoạch của Ban khai thác kinh doanh DLST VQG .

- *Nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ du lịch:*
  - + Tiến hành điều tra, phân loại trình độ nghiệp vụ và xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể theo các cấp trình độ chuyên ngành.
  - + Xúc tiến các chương trình đào tạo và bồi dưỡng theo kế hoạch.
  - + Cử cán bộ đi tham quan nghiệp vụ tại các VQG có nhiều kinh nghiệm và thành tích về phát triển DLST trong và ngoài nước.

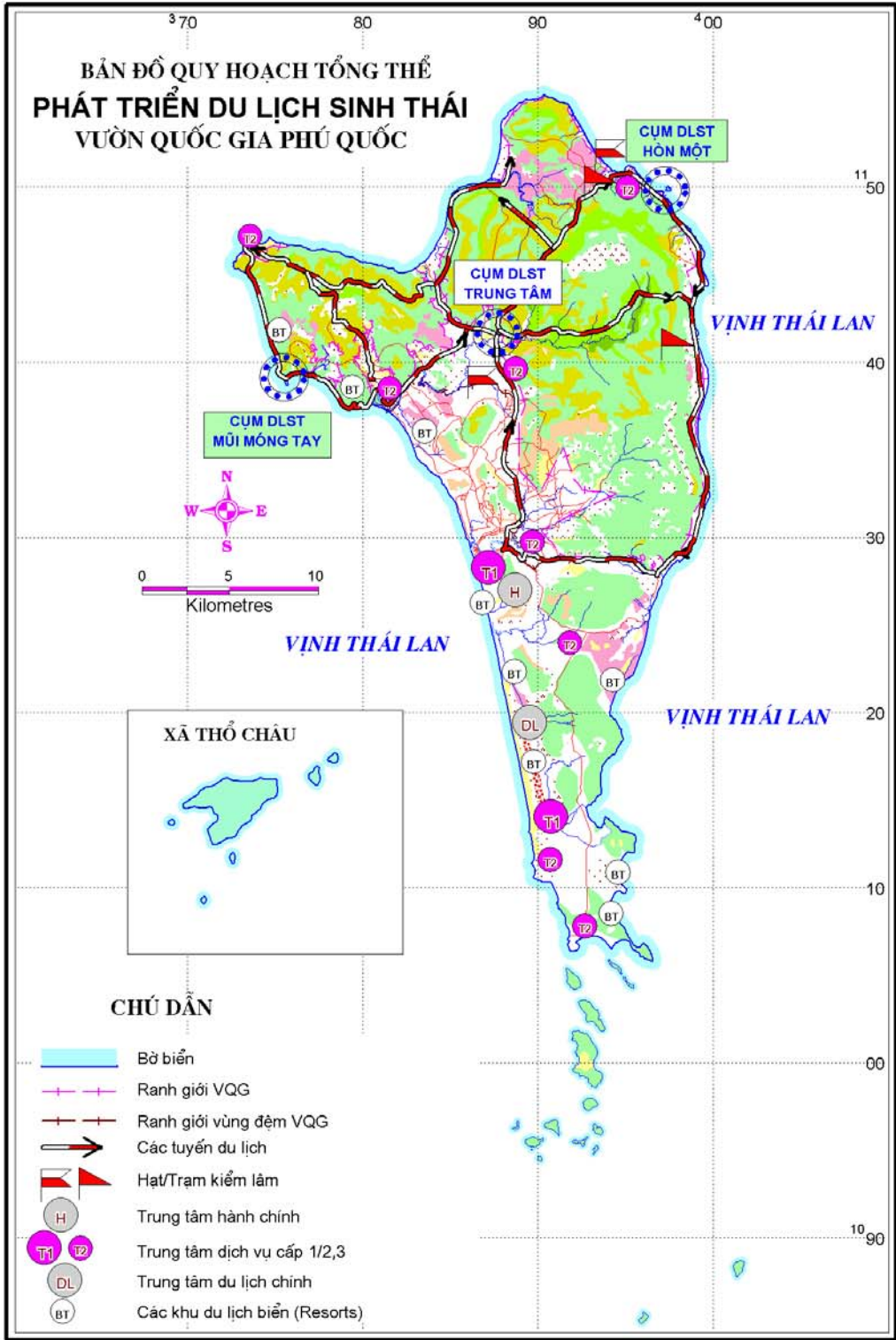
TP HCM tháng 11 năm 2006

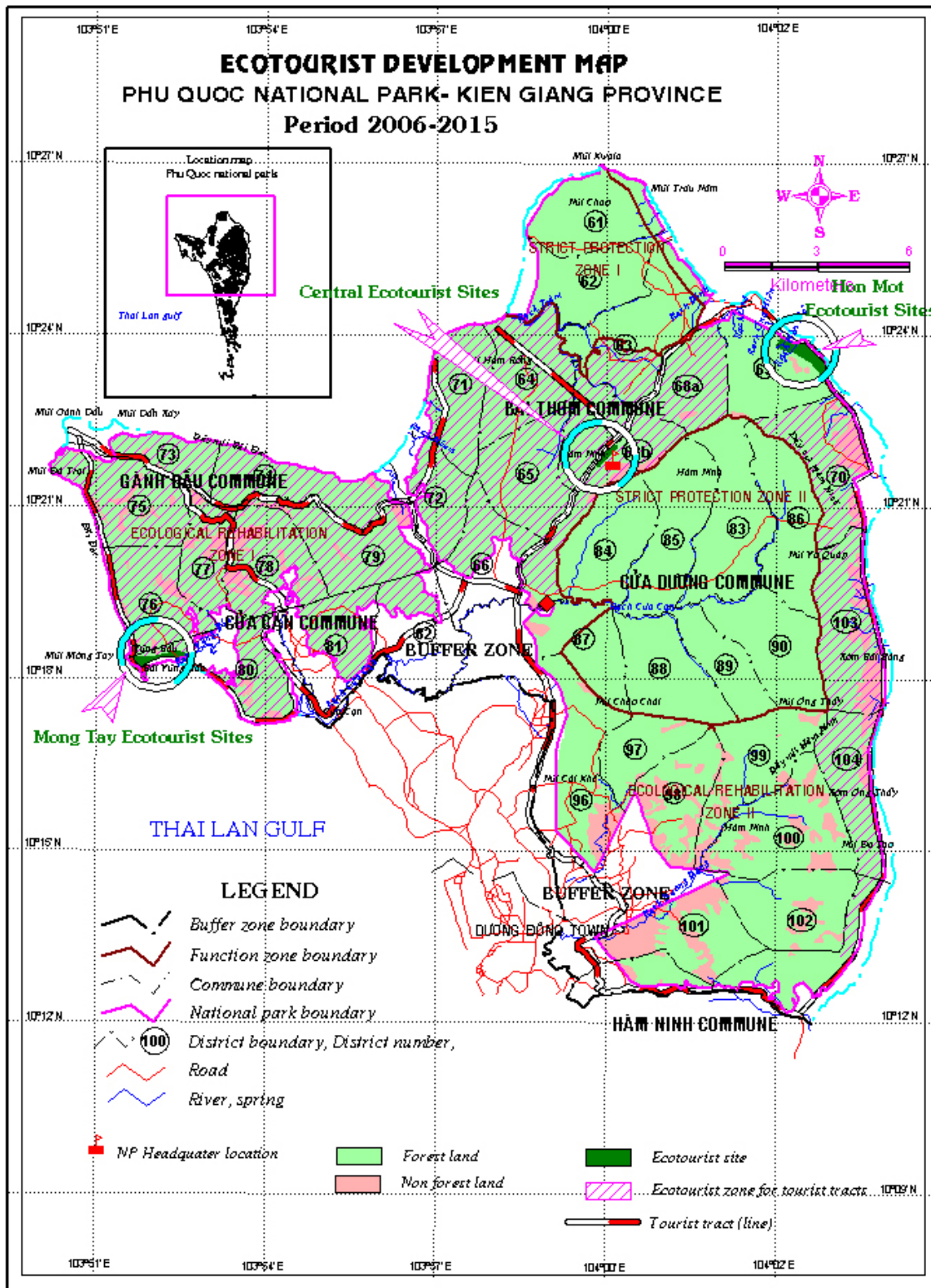
## Tài liệu tham khảo

- 1) Đề án phát triển tổng thể đảo Phú Quốc tỉnh Kiên Giang đến năm 2010 và tầm nhìn tới năm 2020. UBND tỉnh Kiên Giang, 2004.
- 2) Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc-tỉnh Kiên Giang. Phân viện Quy hoạch Đô thị Nông Thôn miền Nam, 2005.
- 3) Dự án đầu tư phát triển Vườn quốc gia Phú Quốc. Phân viện Điều tra Quy hoạch rừng Nam bộ, 2001.
- 4) Báo cáo quy hoạch ba loại rừng tỉnh Kiên Giang và huyện đảo Phú Quốc. Phân viện Quy hoạch rừng Nam bộ, 2004.
- 5) Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 2001-2010. Tổng cục du lịch, 2002.
- 6) Chiến lược phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2001-2010. Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2001.
- 7) Cẩm nang quản lý và phát triển du lịch sinh thái ở các khu bảo tồn thiên nhiên phía Bắc Việt Nam. Fundeso, CAECI, Cục Kiểm lâm- Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2005.
- 8) Du lịch sinh thái những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam.
- 9) Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ về trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp.
- 10) Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.
- 11) Quyết định số 192/2003/QĐ-TTg ngày 17/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quản lý hệ thống Khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam đến năm 2010.
- 12) Quyết định số 08/2001/QĐ-TTg ngày 11/01/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.
- 13) Chỉ thị số 12/2003/CT-TTg ngày 16/05/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các biện pháp cấp bách để bảo vệ và phát triển rừng.
- 14) Niên giám thống kê tỉnh Kiên Giang năm 2005.
- 15) Ecotourism: principles, practices and policies for sustainability. UNEP, 2002.
- 16) Du lịch sinh thái. Hướng dẫn cho các nhà lập kế hoạch và quản lý (Bản dịch tiếng Việt. Tập 1, 2). IUCN Việt Nam, NEA, 2000.
- 17) Viet Nam's Eco-tourism Challenges. Attila Woodward, 2006.

- 18) Báo đánh giá tài nguyên động vật VQG Phú Quốc. Viện ST và TNSV, Phân viện ĐTQHR Nam bộ, 2005.
- 19) Dự án quy hoạch phát triển du lịch sinh thái VQG Phú Quốc (bản thảo). Phân viện ĐTQHR Nam bộ, 2005.
- 20) Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Kiên Giang. Sở Thương Mại-Du lịch tỉnh Kiên Giang, 2002.







Designed by Ngô An, 2006





**Tài nguyên cảnh quan  
thiên nhiên**

